

# MỤC LỤC

Trang

<b>I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH.....</b>	<b>1</b>
1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị.....	1
2. Mục tiêu lập quy hoạch và yêu cầu phát triển đô thị .....	2
3. Các căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch chung .....	3
4. Các quy hoạch - dự án có liên quan .....	4
5. Các cơ sở số liệu, tài liệu khác .....	4
<b>II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN GIẢI QUYẾT TRONG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH.....</b>	<b>4</b>
<b>III. NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN KẾ SÁCH.....</b>	<b>14</b>
1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu quy hoạch .....	14
2. Tính chất đô thị .....	15
3. Dự báo quy mô dân số xây dựng đô thị .....	15
4. Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị.....	16
5. Dự báo chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật .....	16
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH.....</b>	<b>19</b>
1. Định hướng phát triển không gian đô thị .....	19
2. Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội .....	26
3. Định hướng quy hoạch sử dụng đất .....	28
3.1. Định hướng sử dụng đất đến năm 2025 .....	28
3.2. Định hướng sử dụng đất đến năm 2030 .....	28
4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật .....	31
4.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật.....	31
4.2. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông .....	33
4.3. Định hướng cấp nước .....	37
4.4. Định hướng cấp điện .....	39
4.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường .....	40
4.6. Thông tin liên lạc.....	42
<b>V. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ .....</b>	<b>43</b>
<b>VI. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC .....</b>	<b>45</b>
<b>VII. KINH TẾ ĐÔ THỊ.....</b>	<b>54</b>
<b>VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>54</b>

## **THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

### **ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỊ TRẤN KẾ SÁCH, HUYỆN KẾ SÁCH ĐẾN NĂM 2030**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH**

##### **1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị**

Huyện Kế Sách có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng, có đầu mối giao thông thủy bộ rất quan trọng, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp cùng với tài nguyên thiên nhiên đa dạng phong phú, Kế Sách có lợi thế để phát triển đa dạng các ngành sản xuất và dịch vụ.

Với lợi thế tuyến đường Nam Sông Hậu, cùng với các tuyến đường tỉnh và đường huyện đã và đang được đầu tư nâng cấp, huyện Kế Sách rất thuận lợi trong giao lưu với các vùng giáp ranh và các trung tâm kinh tế trong và ngoài tỉnh. Vùng ven Sông Hậu rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, kết hợp với tham quan các mô hình nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp ở trình độ công nghệ cao. Huyện đang xúc tiến đẩy mạnh xây dựng khu du lịch sinh thái Cồn Mỹ Phước tại xã Nhơn Mỹ với quy mô khoảng 220 - 250 ha; phát triển các điểm du lịch trên tuyến Quốc lộ Nam Sông Hậu, triển khai xây dựng điểm du lịch tại xã Thới An Hội kết hợp khu nghỉ dưỡng và khu biệt thự nhà vườn, buôn bán sản phẩm đặc sản địa phương, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch đến địa bàn huyện.

Với những thuận lợi và chính sách đầu tư cùng với sự quyết tâm của chính quyền và nhân dân, trong những năm qua huyện Kế Sách đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, huyện cũng gặp không ít khó khăn, thách thức như chất lượng phát triển kinh tế - xã hội còn thấp; cơ sở vật chất còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; hệ thống hạ tầng kỹ thuật vẫn chưa đồng bộ, kết nối hoàn thiện; tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác ở trình độ cao, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện.

Mặt khác, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đặt ra phải cao gấp 1,1-1,2 lần mức bình quân chung của đồng bằng sông Cửu Long, đòi hỏi Kế Sách cần phải tăng tốc phát triển kinh tế trong thời gian tới. Bên cạnh đó, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện diễn ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược để tận dụng thế mạnh của nguồn lực nhằm phát huy lợi thế của huyện.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kế Sách đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt và xác định nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của huyện, đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện khách quan, với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh, của vùng ĐBSCL; Đưa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với an sinh xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

Với vị trí và tiềm năng phát triển, huyện Kế Sách với trung tâm huyện lỵ là thị trấn Kế Sách được dự báo sẽ trở thành một đô thị phát triển trong tương lai. Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kế Sách; và đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt theo Quyết định số 379/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2011, UBND huyện Kế Sách đã tiến hành rà soát, đánh giá quy hoạch chung và các quy hoạch

chi tiết xây dựng trên địa bàn thị trấn Kế Sách. Xét thấy trong quá trình triển khai Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách đã xuất hiện các yếu tố tác động làm thay đổi định hướng, dự báo của đô án quy hoạch chung thị trấn như: quy mô, ranh giới quy hoạch đã được duyệt không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cũng như chưa định hướng theo các chỉ tiêu của một đô thị loại IV; cơ sở hạ tầng theo quy hoạch cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tại và tương lai; hệ thống giao thông cần điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông của tỉnh Sóc Trăng.

Từ những vấn đề nêu trên, để cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng, giúp cho chính quyền huyện Kế Sách làm cơ sở quản lý, đầu tư các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị để phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị một cách bền vững, phù hợp các chiến lược phát triển đô thị và thu hút đầu tư, việc lập Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 là hết sức cần thiết.

## **2. Mục tiêu lập quy hoạch và yêu cầu phát triển đô thị**

### **2.1. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Xây dựng thị trấn Kế Sách Phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thị trấn Kế Sách đến năm 2025 là đô thị loại IV;

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và cải tạo thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kế Sách, thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác lập các văn bản pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch. Làm cơ sở quản lý đô thị theo quy hoạch, triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng đô thị, hấp dẫn các dự án đầu tư cho phát triển đô thị. Đầu tư các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị hoàn chỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho toàn huyện.

- Phát triển cân bằng, bền vững giữa vùng công nghiệp với cảnh quan chung. Đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, bảo vệ môi trường cảnh quan.

### **2.2. Yêu cầu phát triển đô thị**

- Quy hoạch phát triển thị trấn Kế Sách đảm bảo theo hướng phát triển đô thị bền vững, phù hợp với quan điểm phát triển và hội nhập với các đô thị trong tỉnh Sóc Trăng đặc biệt là thành phố Sóc Trăng nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Quy hoạch phải triệt để khai thác các yếu tố tiềm năng về công nghiệp, dịch vụ, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, phù hợp với các quy hoạch khác của tỉnh. Quy hoạch các phân khu chức năng đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

- Phân kỳ để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng mới đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị.

- Kế thừa các nghiên cứu quy hoạch đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt tại khu vực thị xã hiện nay.

- Quy hoạch các khu chức năng đô thị đảm bảo phát huy tiềm năng sẵn có và tạo động lực phát triển đô thị.

- Là đô thị xanh, đẹp, tiện nghi, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường sống, làm việc, học tập, nghỉ ngơi, thuận lợi cho con người.

- Xây dựng đô thị mới hiện đại có tính đặc thù, đồng bộ về hạ tầng đô thị, đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

### **3. Các căn cứ lập điều chỉnh quy hoạch chung**

Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội;

Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội;

Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Văn bản hợp nhất 06/BHN-BXD ngày 22/11/2019 Hợp nhất Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị do Bộ Xây dựng ban hành;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về Phân loại đô thị của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII;

Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị;

Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, kèm theo quyết định này “QCXD: 01/2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng”;

Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 8/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch cấp nước Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 644/QĐ-HC.03 ngày 19/5/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2001-2020;

Quyết định số 379/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 97/QĐHC-UBND ngày 15/2/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

Quyết định số 1409/QĐHC-CTUBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và định hướng cho thời kỳ 2020-2030;

Công văn số 1376/CTUBND-HC ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và cải tạo thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo định hướng đô thị loại IV;

Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

Biên bản thẩm định số 21/BBTĐQH-SXD ngày 20/12/2019 về việc thẩm định đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

#### **4. Các quy hoạch - dự án có liên quan**

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Kế Sách – tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;
- Quy hoạch sử dụng đất huyện Kế Sách đến năm 2020;
- Quy hoạch chung thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/5000;
- Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thương mại thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỷ lệ 1/500;
- Quy hoạch các ngành liên quan: giao thông, công nghiệp, điện lực, du lịch, văn hóa xã hội,....

#### **5. Các cơ sở số liệu, tài liệu khác**

Các số liệu trong thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Các số liệu trong thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và định hướng cho thời kỳ 2020-2030;

Các số liệu trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Kế Sách đến năm 2020;

Báo cáo tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

Niên giám Thống kê thị trấn Kế Sách năm 2018.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG, NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN GIẢI QUYẾT TRONG ĐỀ ÁN QUY HOẠCH**

### **1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu quy hoạch**

Huyện Kế Sách nằm ở phía Bắc tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 02 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 35.282,87 ha.

Thị trấn Kế Sách là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của huyện Kế Sách; là giao điểm của các xã và nơi khởi đầu trục đường 932 (tỉnh lộ 1) quan trọng tạo môi trường thuận lợi cho việc khai thác tiềm năng lợi thế và tác động lan tỏa ra vùng lân cận thành các trục phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng không làm mất đi cảnh quan, môi trường sinh thái, thị trấn Kế Sách hướng tới là một đô thị xanh.

Thị trấn Kế Sách nằm về hướng Đông Nam của huyện, bao gồm 06 ấp (An Ninh 1, An Khương, An Ninh 2, An Định, An Thành, An Phú), có diện tích tự nhiên là 1.462,86 ha có địa giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Nhơn Mỹ và xã An Mỹ;
- Phía Tây giáp xã Kế Thành;
- Phía Nam giáp xã Phú Tâm thuộc huyện Châu Thành và xã An Mỹ;
- Phía Bắc giáp xã Thới An Hội.

## **2. Điều kiện tự nhiên**

### **2.1. Tài nguyên đất:**

Thị trấn Kế Sách thuộc nhóm đất có nguồn gốc là đất mặn ít. Toàn bộ diện tích nhóm đất có nguồn gốc là đất mặn ít thuộc loại đất tốt, độ phì nhiêu khá, các chất dinh dưỡng trong đất cân đối, thích hợp với nhiều loại cây trồng. Đồng thời còn thích hợp với nuôi trồng thủy sản nước ngọt hoặc nước lợ.

### **2.2. Khí hậu:**

Thị trấn Kế Sách nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có những đặc điểm chung về khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hàng năm chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm giao động không lớn. Nhiệt độ trung bình năm là 27,5<sup>0</sup>C; nhiệt độ cao nhất là 28,3<sup>0</sup>C (tháng 4); nhiệt độ thấp nhất là 25,28<sup>0</sup>C (tháng 1). Biên độ giao động nhiệt không lớn 5<sup>0</sup>C cho các tháng mùa mưa và 10<sup>0</sup>C cho các tháng mùa nắng. Nhiệt độ rất thích hợp cho cây trồng nhiệt đới.

- Độ ẩm: Độ ẩm cao suốt mùa mưa và thấp suốt mùa khô. Độ ẩm tương đối trung bình, cao nhất là tháng 9 (90%) tương ứng tháng mưa nhiều nhất, thấp nhất là tháng 3 (75%) tương ứng tháng mưa ít nhất. Độ ẩm cao nhất của các tháng luôn luôn lớn hơn 75%.

- Mưa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 chiếm 98% lượng mưa cả năm. Chính thức từ tháng 6 đến tháng 10 chiếm 71% lượng mưa cả năm. Tháng 5 và tháng 11 là 2 tháng chuyển tiếp (đầu và cuối mùa mưa). Lượng mưa vào các tháng nắng (tháng 12, tháng 4) không đáng kể, thấp xa so với lượng bốc hơi.

Lượng mưa bình quân năm là: 2.086,25 mm, cao nhất khoảng 2.611 mm và thấp nhất khoảng 1.560 mm.

Lượng mưa cả năm cao nhưng phân bố không đều: mùa mưa có lượng mưa lớn (các tháng 6, 7, 8, 9, 10) gây úng lụt. Mùa nắng có lượng mưa thấp (tháng 12 đến tháng 4 năm sau) gây ảnh hưởng đến sản xuất.

Số ngày mưa trung bình cả năm là 12 ngày/tháng. Mùa nắng 0-3 ngày/tháng. Mùa mưa 8-19 ngày/tháng. Số ngày mưa ít nhất là tháng 02 (0 ngày); nhiều nhất là tháng 6, 9, 10 (19 ngày/tháng).

- Nắng: Số giờ nắng trung bình qua các tháng trong năm: cao vào mùa nắng, thấp vào mùa mưa. Số giờ nắng nhiều nhất trung bình vào tháng 2 (10,23h/ngày), ít nhất vào tháng 11 trung bình (0,31h/ngày). Số giờ nắng trung bình năm là 6,79 giờ rất thuận lợi cho cây trồng.

- Gió, giông, bão: Tốc độ gió trung bình cả năm là 2,31m/s, cao nhất (tháng 2): 3,37m/s; thấp nhất (tháng 10): 1,45m/s. Không gây thiệt hại cho hoa màu.

Hướng gió phân hóa rõ rệt theo chế độ gió mùa như sau: mùa nắng hướng gió Đông (tháng 11 đến tháng 4). Mùa mưa hướng gió Tây- Tây Nam (tháng 7 đến tháng 10). Tháng chuyển tiếp (tháng 5 đến tháng 6) hướng gió Đông Nam và Tây.

- Bão không gây ảnh hưởng lớn khi vào đất liền. Thịnh thoảng có giông lớn cộng với mưa làm nước sông lên cao gây ngập úng đột xuất ở những khu vực địa hình thấp trũng.

### **2.3. Thủy văn:**

Thị trấn Kế Sách chịu ảnh hưởng trực tiếp nguồn nước Sông Hậu cung cấp và tiêu thoát nước dễ dàng, nguồn nước mặt dồi dào, nước ngọt quanh năm thích hợp cho phát triển nông nghiệp, tuy nhiên do ảnh hưởng mặn xâm nhập sâu vào đầu năm không đáng kể.

Toàn bộ diện tích đất đai chịu ảnh hưởng mạnh của chế độ thủy văn sông Hậu, là địa bàn được cung cấp nguồn nước ngọt khá dồi dào, hầu hết diện tích đất trồng cây hàng năm có đủ nước ngọt để sản xuất 2-3 vụ/năm.

Đồng thời có nhiều thuận lợi cho phát triển nuôi cá nước ngọt ven sông Hậu, nuôi ở các vùng cồn, bãi, nuôi trong ruộng vườn và nuôi kết hợp trồng lúa.

Sông Hậu chảy dọc phía Đông huyện và đổ ra biển hạ lưu châu thổ sông Mê Kông qua cửa Trần Đề. Ngoài ra còn có hệ thống kênh, rạch chằng chịt như sông Cái Côn, Cái Cau, kênh số 1, rạch Vọp, kênh Cái Trâm, kênh Mang Cá và hệ thống các sông, kênh, rạch khác. Đây là những dòng dẫn nước lưu thông, tưới tiêu cho toàn vùng và đưa trực tiếp nước biển Đông khi triều cường lên cao vào sâu nội đồng làm cho toàn huyện bị nhiễm mặn vào mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5.

Hệ thống thủy văn phong phú, đa dạng tạo nguồn tài nguyên nước dồi dào, rất thích hợp, thuận lợi cho ngành nông nghiệp phát triển.

Tuy nhiên, do chế độ thủy văn trên sông Hậu chịu tác động trực tiếp của chế độ bán nhật triều biển Đông có biên độ lớn (biên độ triều trung bình từ 3 - 3,5m tại Cái Côn) nên về mùa kiệt, nước mặn có thể xâm nhập sâu đến phà Đại Ngãi (ở mức 1‰, số liệu quan trắc ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2). Cần đầu tư kiên cố hóa hệ thống bờ bao để chống xâm nhập mặn và giữ nước ngọt.

Thị trấn nằm trong vùng đồng bằng nên nhìn chung nước ngầm dồi dào có thể khai thác phục vụ trong sản xuất và sinh hoạt với trữ lượng khá.

### **2.4. Địa hình**

Thị trấn Kế Sách nằm vùng hạ lưu sông Hậu, có địa hình bằng phẳng, địa hình thấp dần từ Đông sang Tây, độ cao trung bình 0,9 - 1,1 m so với mặt biển địa hình đặc trưng vùng đồng bằng sông Cửu Long, đất đai màu mỡ có điều kiện thâm canh cây lúa nước cho năng suất cao, phát triển rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày, vườn cây ăn trái đặc sản và chăn nuôi gia súc cầm và thủy sản.

## **3. Hiện trạng về phát triển kinh tế xã hội**

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và định hướng năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn Kế Sách, nền kinh tế của huyện có những bước phát triển khá cụ thể:

### **3.1. Nông nghiệp:**

Trong năm tổng diện tích xuống giống được 2.379/2.376 ha đạt 100,13% kế hoạch năm, năng suất bình quân 65,50 tạ/ha đạt 100,27%, sản lượng 15.582 tấn đạt tỷ lệ 100,40%, trong đó 1.035,88 ha diện tích lúa chất lượng cao đạt tỷ lệ 99,6%. Cơ cấu gồm các loại giống OM 5451, OM 380, RVT, Đài Thơm 8, IR 50404. Tiếp tục rà soát và lập danh sách các hộ chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây ăn trái để lập đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất theo Thông tư số 19 ngày 09/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Có 04 trường hợp chuyển đổi canh tác từ đất lúa sang trồng cây ăn trái với diện tích 03 ha tại ấp An Thành và An Phú.

Diện tích trồng màu được duy trì lũy kế từ đầu năm đến nay được 100 ha đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Nhận và cấp phát 55.000 bịch phân bón của công ty Thiên Vạn Tường hỗ trợ miễn phí cho 24 hộ đăng ký trồng thực hiện mô hình thí điểm ở 06 ấp đang tiếp tục thu hoạch, giá bán giao động từ 17.000-19.000/kg để nhân rộng sản xuất nêu đạt hiệu quả kinh tế mang lại thu nhập ổn định cho nhân dân.

Diện tích vườn cây ăn trái đến nay đạt 430,22/470 ha đạt 94,54% kế hoạch năm. Cải tạo vườn tạp được: 23 hộ với diện tích 6,14ha trồng các loại cây ăn trái như: nhãn, xoài và mít.

Về chăn nuôi, tính đến nay đàn heo 2.600/2.600 con đạt 100%; đàn bò 85/85 con đạt 100%; đàn gia cầm 30.000/30.000 con đạt 100%, đàn dê 100 con.

Tiếp tục duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản tự nhiên được 100 ha, trong đó diện tích nuôi tự nhiên 90ha, nuôi cá ao ruộng 8,5 ha. Đã thu hoạch 02 ao nuôi cá tra có đầu tư tại ấp An Khương và An Ninh 1 đạt 1,5 ha, đạt sản lượng 360 tấn với giá bán 34.000 đồng/kg.

Hiện nay tiếp tục thả nuôi, do tình hình nắng nóng nên làm hao hụt số lượng cá giống, bà con nông dân đã thả thêm khoảng 06 tấn cá giống (từ 45-50 con/kg) bổ sung vào ao nuôi duy trì mật độ con giống phù hợp đảm bảo sản lượng.

Kết hợp trạm khuyến nông huyện khảo sát và hỗ trợ 01 hộ thực hiện mô hình nuôi cá chép giòn tại ấp An Ninh 2 với diện tích 3.000m<sup>2</sup>, số lượng 3.000 con. Hiện nay đã được thả cá giống nuôi và đang chăm sóc, tiếp tục theo dõi tình hình sinh trưởng của cá.

### **3.2. Công nghiệp và TTCN, thương mại và dịch vụ:**

*Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:* Có 126 cơ sở đạt 100% giá trị sản xuất 83.441 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch.

*Thương mại - Dịch vụ:* Hiện có 917 cơ sở đạt 100% tổng mức luân chuyển hàng hóa 2.173,4 tỷ đồng đạt 100% so với kế hoạch.

*Điện nông thôn:* Số hộ phát triển mới 100 hộ, nâng tổng số hộ hiện tại có điện 3.822 hộ đạt 98,3%, trong đó tỷ lệ hộ Khmer có điện 1.359 hộ đạt 99,93% so với kế hoạch.

### **3.3. Tài chính và xây dựng cơ bản:**

Tổng thu: 7.350.000.000 đồng đạt 145,25% so với kế hoạch tổng chi: 6.850.000.000 đồng đạt 135,37%. Tổng thu các loại quỹ phí 140.896.000 đồng 62,73% so với kế hoạch.

Đã phát vay được 748 lượt, số tiền phát vay là 61.325 triệu đồng. Vay nông nghiệp 37.146 triệu đồng, vay kinh doanh dịch vụ 24.179 triệu đồng góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo ở địa phương làm hạn chế việc cho vay nặng lãi trong nhân dân.

Trong năm thị trấn Kế Sách được trên đầu tư xây dựng đường trục chính hướng Đông (tuyến từ cầu Kế Sách đến cầu Trắng) với số tiền 25 tỷ đồng. Xây dựng được 02 công trình đường giao thông nông thôn, chiều dài 1.995,3m; mặt đường từ 1,5 - 2m; với số tiền: 1.774.438.000 đồng. Trong năm đã khảo sát duy tu sửa chữa đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng được 08 điểm với số tiền 46.000.000 đồng. Trong năm 2018 thị trấn Kế Sách được huyện đầu tư 08 công thủy lợi, số tiền: 368.000.000 đồng và nạo vét 05 tuyến.

Thời gian qua trên địa bàn thị trấn Kế Sách thành lập và duy trì 06 tổ hợp tác ở các ấp như tổ hợp tác trồng lúa, tổ hợp tác trồng cây ăn trái, tổ hợp tác chăn nuôi bò thịt, tổ hợp tác chăn nuôi heo nái...



Vừa qua đã tổ chức thành lập Hợp tác xã nông nghiệp Thành Phú có 48 thành viên tham gia với diện tích trên 81,46 ha tại 02 ấp An Thành và An Phú, hoạt động chủ yếu là canh tác lúa chất lượng cao, cung ứng dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp, liên kết tiêu thụ lúa cho xã viên. Liên kết và phát triển vườn cây ăn trái có giá trị kinh tế theo nhu cầu của thị trường.

Đã hỗ trợ cho Hợp tác xã nông nghiệp Thành Phú thực hiện việc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp như cắt lúa, cày xới và liên kết tiêu thụ lúa cho xã viên trong vụ lúa Hè Thu 2018 giúp bà con xã viên tăng thêm thu nhập trên đơn vị diện tích.

#### **4. Hiện trạng về dân số, sử dụng đất**

##### **4.1. Dân số**

Theo niên giám thống kê năm 2018 của thị trấn Kế Sách, dân số thị trấn tăng theo từng năm và tỷ lệ dân số các dân tộc trên địa bàn thị trấn như sau:

<b>Năm</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>
Dân số (người)	13.912	13.931	13.950	13.968

Dân số thị trấn năm 2018 khoảng 13.968 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của những năm gần đây từ 2015 – 2018 vào khoảng 1,1%. Hiện tượng giảm dân số cơ học trên toàn huyện đáng kể, trong đó khu vực thị trấn đang có chiều hướng tăng nhưng tỷ lệ chưa cao.

Dân số thị trấn phân bố không đều, đa số tập trung gần khu vực ngã giao 2 tuyến sông chính và trên các trục chính của đô thị. Mật độ dân số bình quân 900 người/km<sup>2</sup>.

##### **4.2. Sử dụng đất**

Theo kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2018, tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn Kế Sách là 1.462,86 ha, trong đó hiện trạng và tỷ lệ sử dụng đất như sau:

**Bảng thông kê hiện trạng sử dụng đất thị trấn Kế Sách năm 2018**

<b>Stt</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>	<b>1.462,86</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1.223,97</b>	<b>83,66</b>
1.1	Đất trồng lúa nước	792,88	
1.2	Đất trồng cây hàng năm	2,76	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	426,47	
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1,35	
1.8	Đất làm muối	-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	0,51	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>238,89</b>	<b>16,34</b>
2.1	Đất quốc phòng	5,70	
2.2	Đất an ninh	1,51	
2.3	Đất khu công nghiệp	-	
2.4	Đất khu chế xuất	-	
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	2,41	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7,33	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	

**Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách đến năm 2030**

<b>Stt</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp huyện, cấp xã	99,64	
2.9.1	Đất giao thông	41,58	
2.9.2	Đất thủy lợi	42,36	
2.9.3	Đất công trình năng lượng	0,07	
2.9.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,13	
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,28	
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở y tế	3,59	
2.9.7	Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo	8,37	
2.9.8	Đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao	0,16	
2.9.9	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	-	
2.9.10	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	-	
2.9.11	Đất chợ	3,10	
2.9.12	Đất công trình công cộng khác	-	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	-	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	-	
2.13	Đất ở tại nông thôn	-	
2.14	Đất ở tại đô thị	49,97	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2,86	
2.16	Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp	0,09	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	5,09	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	6,83	
2.20	Đất SXVLXD, làm đồ gốm	-	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,02	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,52	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	2,62	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	54,30	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	-	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	-	

Tình hình sử dụng đất đai trên địa bàn thị trấn trong thời gian qua nhìn chung theo xu hướng giảm dần diện tích đất nông nghiệp và tăng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó, đất ở và đất chuyên dùng tăng còn đất trồng lúa giảm. Tài nguyên đất đai của thị trấn từng bước được khai thác sử dụng phù hợp với điều kiện tự nhiên trong vùng. Phần lớn diện tích đất nông nghiệp đã được đầu tư thâm canh, nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích sản xuất. Đồng thời đang có xu hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng khối lượng các loại sản phẩm nông sản có giá trị kinh tế cao.

**5. Hiện trạng về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị**

- Trung tâm chưa có công trình kiến trúc làm điểm nhấn cho đô thị hiện có trục Phan Văn Hùng là trục cảnh quan của đô thị nhưng chưa hoàn thiện.

- Do là đô thị sông nước, hiện trạng đã đầu tư 2 tuyến kè dọc theo phía Nam kênh Mương Lộ và phía Tây kênh số 1, đây là không gian kiến trúc cần khai thác.

- Đô thị phát triển mạnh bờ Nam, phía Bắc chưa phát triển mạnh. Trung tâm hành chính cũng như trung tâm thương mại dịch vụ, y tế, trung tâm nghiên cứu và đào tạo chủ yếu tập trung bờ Nam.

## **6. Đặc điểm địa hình, cảnh quan thiên nhiên của thị trấn**

Do đặc điểm thị trấn Kế Sách là đô thị sông nước, nên địa hình thấp, mặt nước chiếm 60% đất tự nhiên của thị trấn bao gồm (đất trồng lúa, đất thủy sản, thủy lợi và sông ngòi, kênh, rạch). Cũng chính những đặc điểm địa hình đặc trưng của thị trấn với 2 tuyến kênh chính là kênh số 1 và kênh Mương Lộ vừa là cảnh quan thiên nhiên của thị trấn đồng thời giải quyết việc tiêu thoát nước mưa cho toàn thị trấn, dẫn đến định hướng cốt xây dựng thấp dần về hướng giao của 2 tuyến kênh chính của thị trấn.

## **7. Hiện trạng về hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Cao độ nền xây dựng**

Thị trấn Kế Sách có địa hình bằng phẳng với độ cao trung bình khoảng từ 0,9m – 1,1m ( Hệ tọa độ VN2000, cao độ Hòn Dấu), khu vực trung tâm cao độ trung bình khoảng +1.130m.

Các công trình xây dựng trong đô thị hiện nay chủ yếu là tự tôn nền theo thực tế, nhìn chung chưa thống nhất về cao độ.

### **7.2. Giao thông:**

+ Giao thông thủy của thị trấn khá đa dạng như: tuyến kênh Số 1, kênh Mương Lộ, rạch An Nghiệp, rạch An Khương, kênh thủy lợi... Trong đó kênh Số 1 là tuyến trục nhánh chính, tuyến đáp ứng khai thác vận tải thủy nội địa với cấp V – Đường thủy nội địa.

+ Giao thông bộ bao gồm các tuyến đường ĐT. 932, đường 3/2, Huyện lộ 5, đường Ung Công Uẩn, đường Phan Văn Hùng, đường 30/4... Nhìn chung hệ thống giao thông bộ của huyện chưa thực sự phát triển. Chủ yếu là các tuyến giao thông tỉnh, huyện kết nối đô thị theo các hướng Bắc Nam và Đông Tây. Hệ thống giao thông nội thị còn khá đơn giản.

Trong tương lai việc mở rộng và phát triển đô thị đòi hỏi hệ thống giao thông phải được nâng cấp mở rộng tạo sự liên kết mạnh với các vùng động lực; hệ thống giao thông nội thị sẽ được nâng cấp và xây dựng mới, tăng mật độ mạng lưới đường phố tương ứng với quá trình phát triển dân cư trong đô thị.

+ Bến sông: Theo quy hoạch đường thủy nội địa tại trung tâm thị trấn Kế Sách xây dựng bến kết hợp với khu trung chuyển đường bộ với quy mô 0,25ha.

### **7.3. Hệ thống thoát nước:**

Hệ thống thoát nước của đô thị chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm, còn lại là tự chảy ra hệ thống sông, kênh, rạch.

Một số tuyến đường được đầu tư hệ thống thoát nước như: Phan Văn Hùng, Ung Công Uẩn (Đoạn từ đường 30/4 tới trung tâm thương mại thị trấn), đường 30/4, Thiều Văn Chỏi, đường 3/2, Đình Tiên Hoàng.

Giải pháp thoát nước bằng hố ga thu nước qua hệ thống cống rồi thoát ra kênh Số 1 và kênh Mương Lộ.

### **7.4. Hệ thống cấp nước:**

Thị trấn đã có một trạm cấp nước 1.200m<sup>3</sup>/ngđ, trên đường Phan Văn Hùng tuy nhiên hiện tại hệ thống ống cấp chưa cung cấp toàn thị trấn, chỉ cung cấp cho khu vực trung tâm, chưa sử dụng hết công suất của nhà máy.

**7.5. Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc:** Thị trấn đang dùng nguồn điện Quốc gia qua trạm 110/22KV Sóc Trăng. Từ trạm này có các phát tuyến 22KV từ Sóc Trăng đi huyện Kế Sách.

Hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị:

+ Hệ thống chiếu sáng công cộng chỉ tập trung khu vực trung tâm, trên các tuyến đường chính và khu vực trung tâm thương mại thị trấn như: Đường 30 tháng 4, đường Ung Công Uẩn đoạn từ 30/4 tới trung tâm thương mại thị trấn, đường Thiều Văn Chỏi, đường Phan Văn Hùng, 02 tuyến dọc kè kênh Muong Lộ, phần lớn được đi kết hợp với trụ cáp điện, riêng 2 tuyến đường có dây phân cách thì được đi riêng.

+ Chiếu sáng trang trí: Được bố trí trên tuyến kè kênh Muong Lộ và khu vườn hoa tượng đài cuối đường 30/4.

+ Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc khu vực trung tâm đã ổn định. Riêng hệ thống thông tin liên lạc phần lớn cung cấp khu vực trung tâm. Nên trong thời gian sắp tới cần liên tục đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống theo định hướng mở rộng đô thị để đáp ứng nhu cầu cho toàn thị trấn.

#### **7.6. Hiện trạng về thoát nước bản và vệ sinh môi trường:**

Đô thị chưa có hệ thống thoát nước thải. Nước thải sinh hoạt thoát ra kênh muong theo hệ thống thoát nước mưa hoặc tự chảy theo địa hình.

+ Rác thải: Hiện nay thị trấn đã có một bãi rác quy mô khoảng 0,9ha, nằm ở khu vực xã An Mỹ cách trung tâm thị trấn khoảng hơn 3 km. Trong thị trấn không có khu tập kết rác. Xe rác thu gom từng hộ dân rồi vận chuyển về bãi rác xã An Mỹ.

+ Nghĩa trang: Nghĩa trang liệt sĩ huyện Kế Sách nằm trên tuyến ĐT. 932, cách trung tâm thị trấn Kế Sách khoảng 1,6 km.

#### **8. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội**

Đô thị Kế Sách có đặc điểm phát triển trung tâm từ ngã giao của kênh Số 1 và kênh Muong Lộ. Từ khu vực trung tâm theo tuyến giao thông ĐT. 932 kết nối đô thị về hướng Nam đi Quốc lộ 1A, thành phố Sóc Trăng và về hướng Bắc đi xã Thới An Hội, thị trấn An Lạc Thôn.

- *Công trình giáo dục cấp đô thị:*

Hệ thống công trình giáo dục bố trí rải rác toàn thị trấn

+ Trung tâm dạy nghề huyện Kế Sách được bố trí trên tuyến đường tỉnh 932, với quy mô 1,504ha;

+ Trung tâm bồi dưỡng chính trị: Bố trí trong khu hành chính huyện, có quy mô đất là 0,139ha;

+ Trường THPT thị trấn Kế Sách: Nằm về phía Bắc của thị trấn, giáp với tuyến **Lê Lợi** dọc theo kênh Muong Lộ, quy mô đất là 1,548ha;

- *Công trình y tế:*

Bệnh viện đa khoa huyện Kế Sách và trung tâm y tế nằm trên tuyến đường tỉnh 932, với quy mô đất là 3.312ha.

Các công trình như trạm y tế, trạm BVTV - khuyến nông – thú y nằm trên tuyến Thiều Văn Chỏi với quy mô đất là 0,283ha.

- *Công trình văn hóa thể dục thể thao:*

Công trình văn hóa, sân tập luyện thể thao được bố trí tại góc giao của tuyến đường 3/2 và Ung Công Uẩn, quy mô nhỏ, không có đất phát triển quy mô, có diện tích đất là 0,255ha.

Thư viện được bố trí trong khu hành chính của huyện, có diện tích đất là 0,019ha.

- *Công trình chợ:*

Thị trấn có trung tâm thương mại được bố trí về hướng Đông của thị trấn, giáp tuyến đường Ung Công Uẩn có diện tích là 0,961ha.

*- Hệ thống công viên, cây xanh:*

Hệ thống công viên, cây xanh đô thị rất ít, chỉ có hoa viên quy mô 0,22ha tại vị trí giao tuyến Phan Văn Hùng và Lê Lợi, còn lại chỉ có cây xanh trên một số tuyến đường như 30/4, Phan Văn Hùng đoạn từ đường 3/2 tới cầu, còn lại là cây xanh trong công trình công cộng, chùa, nhà thờ...

*- Công trình tôn giáo:*

Hệ thống chùa, nhà thờ tại thị trấn khá nhiều, nằm về các phía, bao gồm như sau: Chùa Pô Thi, Chùa Thiên Tín, Chùa Thiên Phước, chùa Hưng Kế Tự, chùa Hải Phước, chùa Vân Trung Tự, đình thần Nguyễn Trung Trực, nhà thờ họ Đạo, Hội thánh Tin Lành, có diện tích đất là 4,252ha.

*- Cơ sở sản xuất nhỏ và tiểu thủ công nghiệp:*

Hiện trạng thị trấn có các cơ sở sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp như nhà máy nước đá, các xưởng cưa xẻ gỗ và nhà máy xay sát gạo có tổng diện tích khoảng 0,98ha, tập trung chủ yếu dọc theo kênh Số 1.

## **9. Đánh giá tổng hợp**

### **9.1. Thuận lợi:**

- Vị trí Kế Sách khá thuận lợi cho giao thông đối ngoại liên hệ trao đổi hàng hóa với các đô thị lân cận, đồng thời còn có một số tuyến giao thông thủy đi về phía thị xã Ngã Bảy, ra Sông Hậu...

- Trung tâm hành chính huyện được đặt tại trung tâm thị trấn Kế Sách từ lâu đời nằm trên trục đường 3/2, hướng Nam đi về TP. Sóc Trăng, hướng Bắc đi về thành phố Cần Thơ. Thị trấn Kế Sách càng phát triển rõ rệt, nhà phố xây dựng nhiều hơn, mạng lưới giao thông cơ bản đã được hình thành nhiều đường trải nhựa và đường xi măng phục vụ cho việc đi lại thuận tiện.

- Hệ thống giao thông được xây dựng theo tuyến, dân cư tập trung theo tuyến và theo cụm (tại khu vực chợ), không nằm rải rác. Cho nên sẽ dễ dàng cho công tác quy hoạch và cải tạo, vấn đề quy hoạch mở mang đô thị sẽ không phá vỡ nhiều công trình và bồi hoàn giải tỏa ít tốn kém.

- Có đủ diện tích đất để phát triển đô thị trong giai đoạn 20 năm và dự trữ cho giai đoạn tiếp sau.

- Có nguồn nước tốt, nước sông và nước ngầm đều đảm bảo khối lượng để cấp cho đô thị trong các giai đoạn phát triển.

- Tốc độ phát triển đô thị khá cao cho nên quy hoạch Kế Sách trở thành thị trấn (đô thị loại IV) sẽ dễ dàng tiến hành và xúc tác cho phát triển nhanh hơn.

### **9.2. Khó khăn**

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng còn thấp, chủ yếu là kêu gọi đầu tư của các thành phần kinh tế.

- Địa hình có nhiều kênh rạch cho nên phải xây dựng nhiều cầu tốn nhiều kinh phí xây dựng hệ thống giao thông và gây khó khăn cho công tác tổ chức giao thông.

## **10. Đánh giá đồ án điều chỉnh quy chung thị trấn Kế Sách được phê duyệt năm 2003:**

- Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, đã xuất hiện các yếu tố tác động làm thay đổi các định hướng, dự báo của đồ án quy hoạch xây dựng. Các yếu tố tác động cụ thể:

- + Định hướng thị trấn Kế Sách thành đô thị loại IV dẫn đến các chỉ tiêu về dân số, đất xây dựng đô thị, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thay đổi;
- + Quy mô dân số, ranh giới quy hoạch đất xây dựng đô thị không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Kế Sách;
- + Vị trí một số công trình không còn phù hợp theo hướng phát triển của đô thị như: bến xe, bãi rác, nhà máy thủy sản Phương Nam, các khu vật tư nông nghiệp....
- + Cơ sở hạ tầng cần điều chỉnh cho phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển đến năm 2030.

### **11. Đánh giá công tác quản lý, thực hiện đồ án quy hoạch phê duyệt năm 2003 đến nay:**

Sau khi đồ án được phê duyệt, công tác xây dựng phát triển đô thị được đẩy mạnh, các tuyến đường đô thị được chỉnh trang và nâng cấp, một số khu dân cư trong thị trấn được đầu tư xây dựng. Huyện đã phối hợp với các ngành triển khai một số quy hoạch, dự án cụ thể như:

Các dự án xây dựng công trình công cộng, hạ tầng đô thị khác.

- + Xây dựng mới trụ sở Khu hành chính huyện.
- + Xây dựng mới trụ sở các cơ quan: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi cục thống kê, Công an thị trấn, Chi cục thuế huyện, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, Bảo Hiểm xã hội huyện.
- + Cải tạo trạm cấp nước tập trung huyện.
- + Xây dựng mới Trường Mầm non Hòa Mi, Trường Tiểu học Kế Sách,....
- + Cải tạo nâng cấp và xây dựng mới một số tuyến đường khu trung tâm.

Nhìn chung, việc đầu tư quản lý xây dựng trên địa bàn thị trấn cơ bản theo quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên do hạn chế về nguồn vốn nên việc triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng theo từng giai đoạn đầu tư xây dựng. Đồng thời, vẫn còn một số công trình dịch vụ công cộng chưa được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Tuy nhiên khi triển khai có một số vấn đề tồn tại, bất cập trong công tác xây dựng đô thị như sau:

Khu vực dân cư hiện hữu thị trấn tập trung mật độ dân số khá đông với nhiều tuyến đường hẻm nhỏ, không đảm bảo lưu thông và công tác phòng cháy chữa cháy.

- Khu vực bờ sông đường 30/4 cần có định hướng di dời nhằm khai thác quỹ đất đô thị và tránh xảy ra sự cố sạt lở.

- Khu vực dân cư đang sinh sống ven sông cần có biện pháp gia cố, di dời tránh các sự cố sạt lở bờ sông, các khu vực ven sông cần có cây xanh cách ly bảo vệ bờ sông và tạo cảnh quan đô thị.

- Về kiến trúc cảnh quan, hiện chưa được đầu tư các khu công viên cây xanh cảnh quan, chưa có các công trình tạo điểm nhấn cho đô thị.

- Đô thị chưa có Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc nên công tác quản lý xây dựng còn gặp khó khăn, cảnh quan đô thị trên trục đường chính chưa đồng bộ nên chưa tạo được bộ mặt đô thị khang trang.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu không đồng bộ, khai thác đã lâu và quy mô không phù hợp với định hướng phát triển dài hạn, cần có giải pháp cải tạo, kết nối phù hợp trong tương lai khi đô thị phát triển mở rộng.

- Các công trình dịch vụ công cộng hiện nay và định hướng theo quy hoạch cần được xem xét tổ chức lại nhằm phù hợp với quy mô, tính chất của một đô thị loại IV trong tương lai.

- Các không gian bờ sông, rạch trong phạm vi quy hoạch cần tổ chức lại theo hướng nghiên cứu giải pháp khai thác cảnh quan kết hợp dịch vụ ở các khu vực này.

- Trong tương lai khi các khu chức năng phát triển ở đô thị, cần tính toán việc phát triển không gian, bố trí các khu chức năng dịch vụ, nhà ở, vui chơi giải trí,... gắn với sự phát triển của khu vực sản xuất công nghiệp.

## **12. Những nội dung cơ bản cần giải quyết trong đồ án quy hoạch**

Đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách được phê duyệt theo Quyết định số 644/QĐ-HC.03 ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng cơ bản đã xác định được các chức năng chính của đô thị. Tuy nhiên với tình hình phát triển kinh tế xã hội và các vùng động lực của khu vực đòi hỏi đô thị Kế Sách phải chuyển mình, mở rộng đô thị, nâng cấp và xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

+ Quy hoạch đồng thời để chỉnh trang, sắp xếp và định hình không gian đô thị theo hướng hiện đại nhưng vẫn đậm bản sắc địa phương.

+ Định hướng quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển của quy hoạch vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quy hoạch cần chú trọng khai thác các yếu tố cảnh quan sông rạch đặc thù, chỉnh trang các tuyến dân cư hiện trạng, mở ra các vùng dự án mới, có sức hút để kêu gọi đầu tư.

+ Đô thị hiện tại với đa phần đất đai vẫn còn chưa khai thác triệt để, rất khó để đầu tư hạ tầng đồng bộ, dễ xảy ra trường hợp phát triển manh mún, gây khó khăn cho sự hình thành và quản lý đô thị.

## **III. NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN KẾ SÁCH**

### **1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu quy hoạch**

Huyện Kế Sách nằm ở phía Bắc tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 02 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 35.282,87 ha. Thị trấn Kế Sách nằm về hướng Đông Nam của huyện, bao gồm 06 ấp (An Ninh 1, An Khương, An Ninh 2, An Định, An Thành, An Phú), có diện tích tự nhiên là 1.462,86ha có địa giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Nhơn Mỹ và xã An Mỹ;
- Phía Tây giáp xã Kế Thành;
- Phía Nam giáp xã Phú Tâm thuộc huyện Châu Thành và xã An Mỹ;
- Phía Bắc giáp xã Thới An Hội.

### **Phạm vi nghiên cứu trực tiếp lập quy hoạch**

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch được tuân thủ theo hướng nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng như sau:

Trên phạm vi diện tích khoảng 497,5ha, bao gồm đất ấp An Thành có diện tích khoảng 81,3ha, ấp An Khương khoảng 114ha, ấp An Ninh 1 khoảng 93ha, ấp An Ninh 2 khoảng 129,7ha, ấp An Định 42,4ha và ấp An Phú khoảng 31,1ha. Với tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp xã Thới An Hội;
- Phía Đông giáp đất nông nghiệp của ấp An Ninh 1 và ấp An Ninh 2;
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp của ấp An Ninh 2 và ấp An Phú;
- Phía Tây giáp đất nông nghiệp của ấp An Phú, ấp An Định và ấp An Khương.

## **2. Tính chất đô thị**

Thị trấn Kế Sách là đô thị huyện lỵ của huyện Kế Sách nằm trên trục hành lang kinh tế - kỹ thuật theo tuyến Nam Sông Hậu, Quốc lộ 1A có những tính chất sau:

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Kế Sách.
- Là đô thị nằm về phía Bắc của tỉnh Sóc Trăng, là đầu mối giao thông, vận chuyển hàng hóa nhằm khai thác tiềm năng kinh tế trên hành lang kinh tế - kỹ thuật - đô thị dọc tuyến Nam Sông Hậu, Quốc lộ 1A.

## **3. Dự báo quy mô dân số xây dựng đô thị**

Thị trấn Kế Sách hiện trạng là đô thị loại V, nằm về phía Nam của huyện Kế Sách. Dân số hiện trạng thị trấn Kế Sách năm 2018 là khoảng 13.968 người, tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình là 1,1%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định trong nhưng năm tới vào khoảng 1,1% vào năm 2025 và năm 2030. Tuy nhiên mức độ tăng dân số cơ học và quá trình đô thị hóa được dự báo sẽ tăng nhanh, đặc biệt ở giai đoạn từ năm 2025 khi đô thị từng bước được hoàn thiện hạ tầng và phát triển mở rộng, hoàn chỉnh đạt các tiêu chí đô thị loại V và phấn đấu đạt đô thị loại IV.

Dân số thị trấn Kế Sách trong những năm qua

<b>Năm</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>
<b>Dân số (người)</b>	13.963	13.931	13.950	13.968

Với sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của thị trấn Kế Sách cùng với vị trí thuận lợi về mọi mặt cũng như tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, trong tương lai Kế Sách sẽ thu hút được một lượng lớn lao động từ các nơi khác phát triển đồng thời với quá trình phát triển đô thị.

Căn cứ vào Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị. Quy mô dân số toàn đô thị bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú đã quy đổi khu vực nội thành, nội thị và ngoại thành, ngoại thị được tính theo công thức sau:

$$N = N1 + N2 \quad (2)$$

*Trong đó:*

N: Dân số toàn đô thị (người).

N1: Dân số của khu vực nội thị (người).

N2: Dân số của khu vực ngoại thị (người).

- Quy mô dân số của khu vực nội thị (N1) và của khu vực ngoại thị (N2) được xác định gồm dân số thống kê thường trú và dân số tạm trú đã quy đổi:

*Trong đó:*

Dân số thường trú của thị trấn Kế Sách năm 2018: 13.968 người. (N1)

Dân cư tạm trú được tính quy đổi như sau:

Số lượng dân cư tạm trú tại thị trấn Kế Sách theo số liệu thống kê năm 2018 là khoảng 5.617 người bao gồm:

+ Dân số tạm trú từ 6 tháng trở lên: 38 người

+ Dân số tạm trú dưới 6 tháng: 5.579 người

Dân số tạm trú từ 6 tháng trở lên được tính như dân số thường trú, dưới 6 tháng quy đổi về dân số đô thị theo công thức như sau:

$$N_o = \frac{2Nt \times m}{365} \quad (3)$$



Trong đó:

No: Số dân tạm trú quy về dân số đô thị (người);

Nt: Tổng số người đến tạm trú ở khu vực nội thị và ngoại thị dưới 6 tháng (người);

m: Số ngày tạm trú trung bình của một người (ngày).

$$N_0 = (2 \times 5.579 \times 90) / 365 = 2.751 \text{ người}$$

Số người tạm trú quy đổi toàn thị trấn Kế Sách là  $38 + 2.751 = 2.789$  người.

Quy mô dân số đô thị của thị trấn Kế Sách là:

- Dân số thường trú là 13.968 người.

- Dân số tạm trú quy đổi toàn thị trấn là 2.789 người.

Như vậy dân số của thị trấn năm 2018 là 16.757 người (bao gồm cả dân số thường trú và tạm trú chuyên đổi).

**Bảng 1: Bảng tổng hợp dự báo dân số**

TT	Hạng mục	Hiện trạng	Dự báo Quy hoạch	
		2018	2025	2030
<b>I</b>	<b>Dân số toàn thị trấn (người)</b>	<b>16.757</b>	<b>19.944</b>	<b>22.345</b>
	- Tỷ lệ tăng trung bình quân, %/năm	<b>2,20</b>	<b>2,30</b>	<b>2,30</b>
	- Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm (kế hoạch)	1,10	1,10	1,10
	- Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm; Tỷ lệ tăng do dân số vắng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa (dự báo)	1,10	1,20	1,20

Như vậy dân số của thị trấn Kế Sách được dự báo các giai đoạn như sau:

- Đến năm 2025: Dân số toàn đô thị Kế Sách khoảng 20.000 người;

- Đến năm 2030: Dân số toàn đô thị Kế Sách đạt khoảng 22.500 người.

#### **4. Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị**

Nhưng do điều kiện và tốc độ phát triển đô thị còn chậm trong giai đoạn hiện tại (vẫn còn là đô thị loại V chưa nâng cấp lên đô thị loại IV) khả năng thu hút đầu tư, lao động từ các vùng ngoại vi chưa cao. Định hướng đến năm 2030 thị trấn Kế Sách thành đô thị loại IV.

Căn cứ Theo QCVN 01:2008/BXD của Bộ Xây dựng; Nghị quyết số 1210/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Quy mô đất xây dựng đô thị thị trấn Kế Sách thực hiện theo tiêu chí đô thị loại V nâng cấp lên đô thị loại IV theo từng giai đoạn như sau:

- Cùng với tốc độ phát triển của thị trấn, để dự báo có tính khả thi chọn đất xây dựng đô thị đến năm 2025 phục vụ cho 7.000 người, với mật độ dân số khoảng 3.500 người/km<sup>2</sup>, quy mô quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 200ha.

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2030 phục vụ cho 20.000 người, với mật độ dân số theo yêu cầu khoảng 5.000 người/km<sup>2</sup>, quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 400ha.

#### **5. Dự báo chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật**

Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách đến năm 2025 theo hướng để đô thị đạt các tiêu chí của đô thị loại V và đến năm 2030 đạt tiêu chí của đô thị loại IV.

**Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách đến năm 2030**

Theo QCVN 01: 2008/BXD của Bộ Xây dựng; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 07:2016/BXD về hạ tầng kỹ thuật đô thị và các quy định khác có liên quan, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong đồ án quy hoạch chung cụ thể như sau:

**5.1. Chỉ tiêu về sử dụng đất**

**Bảng chỉ tiêu về sử dụng đất xây dựng đô thị**

Stt	Loại đất	Chỉ tiêu đến năm 2025 (m <sup>2</sup> /người)	Chỉ tiêu đến năm 2030 (m <sup>2</sup> /người)
1	Đất xây dựng đô thị	≥ 285	≥ 200
2	Đất dân dụng	61 - 78	61 - 78
3	Đất đơn vị ở	≤ 50	≤ 50
4	Đất công cộng, trình dịch vụ đô thị tổng hợp	3 – 3,5	3 - 4
5	Đất cây xanh toàn đô thị	5 - 7	5 - 7
6	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	3 - 4	4 - 5
7	Đất giao thông	5 - 7	7 - 9

**5.2. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội**

**Bảng chỉ tiêu về hạ tầng xã hội**

Loại công trình	Cấp quản lý	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất đai tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
<b>1. Giáo dục</b>					
Trường phổ thông trung học, dạy nghề	Đô thị	chỗ/1000người	40	m <sup>2</sup> /1 chỗ	15
<b>2. Y tế</b>					
Phòng khám đa khoa	Đô thị	Công trình/đô thị	1	m <sup>2</sup> /trạm	3.000
Bệnh viện đa khoa	Đô thị	giường/1000người	4	m <sup>2</sup> /giườngbệnh	100
Nhà hộ sinh	Đô thị	giường/1000người	0,5	m <sup>2</sup> /giường	30
<b>3. Thể dục thể thao</b>					
Sân thể thao cơ bản	Đô thị			m <sup>2</sup> /người ha/công trình	0,6 1,0
Sân vận động	Đô thị			m <sup>2</sup> /người ha/công trình	0,8 2,5
Trung tâm TDTT	Đô thị			m <sup>2</sup> /người ha/công trình	0,8 3,0
<b>4. Văn hoá</b>					
a. Thư viện	Đô thị			ha/công trình	0,5
b. Bảo tàng	Đô thị			ha/công trình	1,0
c. Triển lãm	Đô thị			ha/công trình	1,0
e. Cung văn hoá	Đô thị	chỗ/ 1000người	8	ha/công trình	0,5
h. Cung thiếu nhi	Đô thị	chỗ/ 1000người	2	ha/công trình	1,0
<b>5. Chợ</b>					
	Đô thị	công trình	1	ha/công trình	0,8

**5.3. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật đô thị**

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật áp dụng theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD của BXD ngày 01/02/2016 về việc ban hành Quy chuẩn Quốc gia về các công trình Hạ tầng kỹ thuật.

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
		2018 - 2025	2026 - 2030
<b>1. Giao thông</b>			
Đường chính đô thị			
- Mật độ đường (tính đến đường khu vực)	km/km <sup>2</sup>	≥ 6	≥ 8
- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 12
- Diện tích đất giao thông/dân số đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	≥ 7
<b>2. Cấp nước</b>			
Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	lít/người/ngày.đêm	≥ 100	≥ 120
- Tỷ lệ cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	80	100
<b>3. Thoát nước bẩn, quản lý CTR</b>			
Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80	80
Thu gom chất thải rắn			
- Tiêu chuẩn chất thải gần phát sinh	(kg/ng.ng)	1,0	1,0
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 85	≥ 90
<b>4. Cấp điện</b>			
- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	KWh/ng/năm	400	1000
- Phụ tải	W/người	200	330
- Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ	% điện sinh hoạt	30	30

**5.4. Các yêu cầu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

**+ Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật**

- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, giữ được lớp đất màu, cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.

- Không làm xấu hơn các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn.

- Đối với những khu đô thị hiện có, những khu vực đã có mật độ xây dựng tương đối cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.

- Xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính đô thị; Dự báo khối lượng san nền.

**+ Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa**

- Đảm bảo 100% đường nội thị phải có hệ thống thoát nước mưa;

- Đường có chiều rộng ≥ 40m, phải bố trí hệ thống thoát nước mưa hai bên đường.

- Hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy mô đô thị, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn), hiện trạng đô thị.

- Cần tận dụng các hồ ao hiện có hoặc xây dựng mới các hồ điều tiết nước mưa.

**+ Quy hoạch hệ thống giao thông**

- Mạng lưới giao thông phải được phân cấp rõ ràng;

- Hệ thống giao thông đối ngoại khi đi qua đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị.

**Bảng Quy định về các loại đường trong đô thị:**

<b>Cấp đường</b>	<b>Loại đường</b>	<b>Tốc độ thiết kế (km/h)</b>	<b>Bề rộng 1 làn xe (m)</b>	<b>Bề rộng của đường (m)</b>	<b>Khoảng cách hai đường (m)</b>	<b>Mật độ đường km/km<sup>2</sup></b>
Cấp đô thị	1. Đường cao tốc đô thị				4.800÷8.000	0,4÷0,25
	- Cấp 100	100	3,75	27÷110	-	
	- Cấp 80	80	3,75	27÷90	-	
	2. Đường trục chính đô thị	80÷100	3,75	30÷80	2400÷4000	0,83÷0,5
	3. Đường chính đô thị	80÷100	3,75	30÷70	1200÷2000	1,5÷1,0
Cấp khu vực	4. Đường liên khu vực	60÷80	3,75	30÷50	600÷1000	3,3÷2,0
	5. Đường chính khu vực	50÷60	3,5	22÷35	300÷500	6,5÷4,0
	6. Đường khu vực	40÷50	3,5	16÷25	250÷300	8,0÷6,5
Cấp nội bộ	7. Đường phân khu vực	40	3,5	13÷20	150÷250	13,3÷10
	8. Đường nhóm nhà ở, vào nhà	20÷30	3,0	7÷15	-	-
	9. Đường đi xe đạp Đường đi bộ		1,5 0,75	≥3,0 ≥1,5	-	-

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH**

##### **1. Định hướng phát triển không gian đô thị**

###### **1.1. Quan điểm và nguyên tắc chung**

- Phát triển không gian thị trấn Kế Sách theo hướng lấy đất nông nghiệp phát triển đô thị; khai thác hiệu quả các quỹ đất hiện có. Phát triển quỹ đất không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, đảm bảo các tiêu chí của đô thị bền vững.

- Phát triển xã hội với việc đô thị hóa từng phần và tiến tới toàn phần, trong đó ưu tiên khu vực tiền đề để phát triển như: khu vực trung tâm hành chính hiện trạng, khu thương mại, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa các khu vực còn lại.

- Phát triển không gian có tính kế thừa và phát huy tích cực những cái đã có, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa, an ninh Quốc phòng và trật tự xã hội.

- Ưu tiên quỹ đất cho các chức năng tạo động lực phát triển của đô thị bao gồm: Khu trung tâm đô thị; các khu đô thị mới; các khu dịch vụ đô thị, đào tạo nghề.

- Phát triển đô thị phù hợp định hướng phát triển đô thị tăng trưởng xanh.

- Định hướng phát triển không gian đô thị theo 5 yếu tố nhận diện đô thị như sau: Tuyến, đường bao, điểm, nút và diện.

- Phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan cần có giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

###### **1.2. Cấu trúc và hướng phát triển đô thị**

Căn cứ vào quan điểm và nguyên tắc chung để định hướng hướng phát triển cho đô thị đưa ra 2 phương án cấu trúc đô thị như sau:

**a. Phương án 1**

- Phát triển mạnh về hướng Bắc, hướng đi về Cần Thơ và ra Quốc lộ Nam Sông Hậu. Phương án cơ cấu bố trí các khu chức năng như sau:

- + Khu trung tâm hành chính: giữ theo hiện trạng.
- + Khu trung tâm thương mại: Giữ theo hiện trạng, không phát triển thêm.
- + Khu Văn hóa – TDTT sẽ được quy hoạch về hướng Tây Nam, gần khu bệnh viện kết hợp với khu công viên cây xanh.
- + Hướng Bắc phát triển mạnh khu ở mới, khu giáo dục.

**\* Ưu điểm:**

- Hướng phát triển tốt, mở rộng đô thị về hướng Bắc;
- Tập trung các trung tâm ở phía Nam, thuận lợi đầu tư.

**\* Nhược điểm:**

- Hướng Bắc chưa phát triển, phải đầu tư nhiều, đòi hỏi có tài chính và nhân lực.
- Các trung tâm tập trung về phía Nam dẫn đến bán kính không đảm bảo.
- Tại trung tâm hiện trạng khó có diện tích đất đủ lớn để bố trí khu trung tâm Văn hóa – TDTT.

**b. Phương án 2**

- Phát triển mạnh về hướng Tây Nam và Đông Nam, một phần phát triển về hướng Bắc để mở rộng đô thị và kết nối 2 bờ Bắc Nam. Phương án cơ cấu bố trí các khu chức năng như sau:

- + Khu trung tâm hành chính: giữ nguyên hiện trạng;
- + Khu trung tâm thương mại: Từ hiện trạng phát triển, mở rộng về phía Đông Nam;

+ Khu Văn Hóa – TDTT và giáo dục: định hướng quy hoạch tập trung về phía Bắc, giáp đường Phan Văn Hùng, tại đây đủ diện tích đất để bố trí và mở rộng khi cần thiết;

- + Các khu ở được quy hoạch lồng ghép vào các khu trung tâm.

**\* Ưu điểm:**

- Phát triển mạnh hướng Tây Nam và Đông Nam là lấy từ trung tâm hiện trạng phát triển ra, dẫn đến đầu tư ít tốn kém, thời gian phát triển đô thị ngắn;
- Các trung tâm chia đều các hướng, đảm bảo bán kính phục vụ;
- Khu Văn hóa – TDTT quy hoạch về hướng Bắc thuận lợi về đất trống, không ảnh hưởng đến hiện trạng.

- Thuận lợi chia giai đoạn phát triển đô thị, giai đoạn ngắn hạn, từ đô thị hiện trạng tập trung mở rộng về hướng Tây Nam và Đông Nam, giai đoạn dài hạn phát triển mạnh về phía Bắc.

**\* Nhược điểm:**

- Cần phải có biện pháp xây dựng đô thị từng bước, chậm, lâu dài;
- Giai đoạn ngắn không phát triển phía Bắc.

**c. Lựa chọn phương án**

Qua phân tích ưu, nhược điểm của 2 phương án, đề xuất chọn phương án 2 triển khai các bước tiếp theo do khác thác được nhiều ưu điểm hơn và nhược điểm có thể khắc phục được.

### **1.3. Định hướng phát triển các tiểu vùng**

- Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách thuộc tiểu vùng ven biển của Đồng bằng Sông Cửu Long, căn cứ vào các đặc điểm của từng khu vực, định hướng phát triển của thị trấn và mô hình phát triển của từng vùng. Được phân thành 2 vùng địa hình như sau:

- Vùng địa hình:

+ Vùng 1: Khoảng 2/3 diện tích thuộc phần đất phía Nam của thị trấn theo hướng huyện Châu Thành. Đây là vùng cao theo mặt bằng chung của thị trấn, bao gồm các ấp An Thành, Anh Phú, An Ninh 2, An Định.

+ Vùng 2: Khoảng 1/3 diện tích thuộc phần đất phía Bắc theo hướng xã Thới An Hội. đây là vùng thấp theo mặt bằng chung của thị trấn, bao gồm các ấp: ấp An Khương, An Ninh 1.

- Các trục kết nối:

+ Trục Phan Văn Hùng: kết nối bờ Nam Và bờ Bắc

+ Trục Ung Công Uẩn: kết nối ấp An Thành, An Định và An Phú với ấp An Ninh 2.

- Từ địa hình tự nhiên của thị trấn định hướng 2 tiểu vùng phát triển của thị trấn như sau:

+ Tiểu vùng 1: Diện tích chiếm khoảng 74,3% diện tích tự nhiên của vùng, gồm có ấp Anh Thành, An Định, An Phú và Anh Ninh 2. Là khu vực nằm về phía Nam của thị trấn, trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ đặt tại vùng này, định hướng phát triển mở rộng đô thị theo 2 hướng Tây Nam và Tây Bắc.

+ Tiểu vùng 2: Diện tích chiếm khoảng 25,7% diện tích tự nhiên của vùng, gồm có ấp An Khương và ấp An Ninh 1. Là khu vực nằm về phía Bắc của thị trấn, phát triển thành trung tâm Văn hóa – TDTT và khu ở mật độ thấp, định hướng phát triển mở rộng về hướng Tây Bắc và Đông Bắc.

### **1.4. Phân khu chức năng**

Quy hoạch phân khu chức năng đô thị phải tận dụng địa hình tự nhiên, hiện trạng kinh tế, xã hội và công trình xây dựng để tổ chức không gian đô thị và bố trí hệ thống kỹ thuật đạt hiệu quả cao về thẩm mỹ, về đầu tư khai thác sử dụng.

Xác định giao của kênh Số 1 và kênh Mương Lộ làm tâm của trung tâm thị trấn chia làm 04 khu vực phát triển đô thị: khu Tây Nam, khu Đông Nam; khu Tây Bắc và khu Đông Bắc, từ đó định hướng và quy hoạch các khu chức năng sau:

- Khu trung tâm hành chính;
- Khu trung thương mại dịch vụ;
- Khu trung tâm Văn hóa - TDTT;
- Khu trung tâm Giáo dục - Đào tạo;
- Khu trung tâm Y tế;
- Khu ở;
- Khu hỗn hợp;
- Khu công viên cây xanh, vườn hoa đô thị;
- Khu bến bãi, kho;
- Khu các công trình tôn giáo, tín ngưỡng;
- Khu xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Khu Nghĩa trang;

- Khu vực an ninh, quốc phòng;
- Khu tiêu thụ công nghiệp;
- Khu vực phát triển nông nghiệp đô thị;
- Khu dự trữ phát triển.

### **1.5. Định hướng tổ chức các khu chức năng đô thị**

#### **\* Khu trung tâm hành chính**

Khu hành chính huyện Kế Sách hiện tại nằm ở khu Tây Nam, trên đường 3/2, đoạn từ Phan Văn Hùng tới Ung Công Uẩn, hướng ra kênh Mương Lộ, một số công trình gần như mới xây dựng định hướng giữ lại hiện trạng, quy mô khoảng 02ha.

#### **\* Khu trung tâm thương mại dịch vụ (chợ)**

Trung tâm thương mại thị trấn Kế Sách hiện tại nằm tại khu Đông Nam, trên trục Ung Công Uẩn, phía Đông của kênh Mương Lộ, quy mô khoảng  $\geq 0,8$ ha, định hướng giữ hiện trạng và mở rộng về phía Đông Nam.

#### **\* Khu trung tâm Văn hóa – TDTT**

Khu văn hóa – TDTT được quy hoạch vị trí mới, về hướng Bắc của thị trấn, nằm về phía Tây của trục đường Phạm Văn Hùng, thuộc khu Tây Bắc, quy mô đất văn hóa  $\geq 2$ ha, quy mô đất trung tâm TDTT  $\geq 5,5$ ha.

#### **\* Khu trung tâm Giáo dục – Đào tạo**

Các công trình giáo dục cấp đô thị hiện trạng phần lớn tập trung tại trung tâm như: Trung tâm bồi dưỡng chính trị tại ấp An Thành (khu hành chính huyện), quy mô 0,139ha, Trường PTTH Kế Sách, giáp với **Phan Văn Hùng (Hương Lộ 1 cũ)**, thuộc ấp An Khương, quy mô đất 1,548ha. Riêng trung tâm dạy nghề nằm ngoài trung tâm, trên trục đường tỉnh 932, phía Nam của thị trấn, quy mô là 1,504ha.

#### **\* Khu trung tâm Y tế**

Bệnh viện đa khoa huyện Kế Sách và trung tâm y tế nằm trên tuyến đường tỉnh 932, thuộc ấp An Thành, quy mô đất 3,312ha. Trên tuyến Thiệu Văn Chỏi có trạm y tế diện tích 0,13ha, định hướng quy hoạch các trạm y tế theo từng khu trong đồ án quy hoạch chi tiết, trong mỗi đơn vị ở, để đảm bảo bán kính phục vụ mỗi trạm không quá 500m.

#### **\* Khu ở**

Khu ở bao gồm khu ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang, khu ở mới, khu ở dạng vườn, quy mô tổng diện tích đất ở đảm bảo  $\leq 100$ ha.

#### **- Khu ở cải tạo, chỉnh trang**

Các khu ở hiện trạng, với mật độ cao, nên định hướng quy hoạch cải tạo, chỉnh trang bao gồm các khu sau:

+ Khu 1: Nằm tại khu Tây Nam, khu vực giáp với các tuyến đường Phan Văn Hùng, đường 3/2, đường 30/4 là khu vực dân cư hình thành lâu đời, định hướng giữ lại hiện trạng, cải tạo, chỉnh trang quy mô khoảng 4,2ha, riêng khu vực nhà ven sông trên tuyến 30/4, giáp kênh Số 1, định hướng giải phóng quy hoạch bờ kè, công viên bờ sông, quy mô khoảng 0,12ha.

+ Khu 2: Nằm tại khu Tây Bắc, khu vực giáp đường Phan Văn Hùng, đường **Phan Văn Hùng (Hương Lộ 1 cũ)**, kênh Số 1 và kênh Mương Lộ. Đây cũng là khu dân cư tập trung đông, định hướng chỉnh trang theo 2 tuyến kè, quy mô khoảng 4,2ha.

**- Khu ở mới**

Khu ở mới được quy hoạch trên tất cả các khu như sau:

+ Khu Tây Nam: Khu vực giáp với các tuyến đường như Phan Văn Hùng, Đường tỉnh 932, Huyện lộ 2 và Thiều Văn Chỏi. Ngoài hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được định hướng thành các khu ở mới, quy mô khoảng 64,5ha.

+ Khu Đông Nam: Quy hoạch thành khu ở mới kết hợp với các khu chức năng của đô thị.

+ Khu Tây Bắc: Quy hoạch thành khu ở mới kết hợp với các khu chức năng của đô thị.

+ Khu Đông Bắc: Là khu vực hiện trạng mật độ dân rất thấp, phần lớn làm vườn, định hướng quy hoạch thành khu ở mới với đầy đủ các khu chức năng.

**- Khu ở dạng vườn**

Quy hoạch loại hình ở dạng vườn định hướng tập trung ở hai khu Tây Bắc và Đông Bắc là chính.

**\* Khu đất hỗn hợp**

Là khu đất sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, được xây dựng các loại công trình (trừ các công trình như: tôn giáo, công nghiệp, kho, bãi, an ninh, quốc phòng, các cơ sở sản xuất độc hại). Được quy hoạch tại các khu vực gần các trung tâm.

**\* Khu công viên cây xanh, vườn hoa đô thị**

Khu công viên cây xanh đô thị được quy hoạch ở từng khu, nhằm đảm bảo bán kính phục vụ với quy mô tùy dân số của từng khu. Vườn hoa đô thị hiện trạng giao giữa tuyến Phan Văn Hùng và **Phan Văn Hùng (Hương Lộ 1 cũ)**, quy hoạch lại vị trí trung tâm văn hóa hiện trạng thành vườn hoa đô thị. Tổng quy quy mô đảm bảo từ 8 – 10ha.

**\* Khu bến bãi, kho**

Hiện tại thị trấn có khu bãi vật liệu xây dựng nằm trên tuyến Ung Công Uẩn, giáp kênh Số 1, định hướng giữ nguyên, mở rộng, đầu tư cơ sở hạ tầng đảm bảo quy mô.

Thị trấn có 1 bến xe trên tuyến Ung Công Uẩn, hiện tại và trong tương lai bến xe không đáp ứng được quy mô, không có nguồn đất để mở rộng và không thuận lợi theo hướng phát triển của đô thị nên định hướng quy hoạch bến xe về phía Bắc, trên tuyến đường tỉnh 932, hướng đi Quốc lộ Nam Sông Hậu.

Hiện tại có 1 bãi xe trước trung tâm thương mại, định hướng quy hoạch các công viên của từng khu có kết hợp làm bãi xe.

**\* Khu các công trình tôn giáo**

Các công trình tôn giáo ở thị trấn là khá nhiều, phần lớn tập trung tâm, khu Tây Nam và Tây Bắc, tổng quy mô đất khoảng 4,252ha. Định hướng quy hoạch giữ nguyên vị trí hiện trạng, đảm bảo lộ giới theo các tuyến đường quy hoạch.

**\* Khu xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật**

+ *Cấp nước:*

Hiện tại thị trấn có 01 trạm cấp nước, trên tuyến Phan Văn Hùng, thuộc ấp An Thành, có quy mô 1.200m<sup>3</sup>/ngày.đ và 01 trạm trong khu đất quốc phòng, giáp tuyến đường tỉnh 932. Phía Nam của thị trấn, nằm ngoài trung tâm. Trạm hiện trạng tại trung tâm chỉ đủ phục vụ cho khu Tân Nam vì căn cứ quy mô dân số, quy mô đất từng khu để chọn công suất và vị trí đặt như sau:



- Khu Tây Nam: Trạm  $1.200\text{m}^3/\text{ng.đ}$  (hiện trạng);  
- Khu Đông Nam: Trạm  $1.200\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , đặt trong công viên cây xanh, giáp rạch An Nghiệp;

- Khu Tây Bắc: Trạm  $1.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , đặt tại khu đất trung tâm TDDT;

- Khu Đông Bắc: trạm  $700\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , đặt tại công viên.

+ *Trạm xử lý nước thải:*

Hiện tại thị trấn chưa có trạm xử lý nước thải, đa số là thoát ra kênh, rạch. Do đô thị phân thành 4 khu phát triển, định hướng quy hoạch 04 trạm xử lý đặt tại 4 khu, đảm bảo công suất, vị trí, cách ly đối với dân cư tốt nhất. Quy mô đất mỗi trạm là  $0,2\text{ha}/1000\text{m}^3.\text{ngđ}$ , công suất mỗi trạm  $<1000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ . Áp dụng theo công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án xử lý làm sạch sinh học không có sản phẩm bùn, có máy làm sấy khô bùn, có thiết bị xử lý môi trường, xây dựng kín, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý xả ra nguồn đạt chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ *Thu gom và xử lý chất thải rắn:*

Hiện tại thị trấn đang sử dụng bãi rác xã An Mỹ, giáp với ranh thị trấn. Quy hoạch 4 trạm trung chuyển không chính thức (không có hạ tầng), loại quy mô trạm  $< 5$  tấn, đặt tại các công viên của từng khu vực có quy mô đất  $20\text{m}^2/\text{trạm}$ , sau đó sẽ chuyển về khu xử lý rác tập trung xã An Mỹ.

#### **\* Khu nghĩa trang**

Hiện tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Kế Sách nằm trên trục đường tỉnh 932, quy mô đất khoảng  $02\text{ha}$ , hiện tại sử dụng khoảng  $1,35\text{ha}$ , đảm bảo quy mô mở rộng cho toàn thị trấn đến năm 2030.

#### **\* Khu an ninh, quốc phòng**

+ *Khu đất an ninh:*

Hiện tại công an huyện Kế Sách nằm trên trục đường 3/2, giữ nguyên vị trí có quy mô đất là  $0,27\text{ha}$ , giáp với tuyến huyện lộ 2 có trại giam công an huyện giữ nguyên vị trí có quy mô đất là  $0,97\text{ha}$ .

+ *Khu đất quốc phòng:*

Hiện trạng đất quốc phòng tại thị trấn Kế Sách ở 03 vị trí. Khu đất giáp với tuyến đường tỉnh 932 giữ nguyên có quy mô đất là  $1,79\text{ha}$ ; Khu đất giáp với ranh giới xã An Mỹ có quy mô đất là  $3,21\text{ha}$  giữ nguyên vị trí; Khu đất giáp với tuyến Ung Công Uân (giáp cầu An Mỹ) quy hoạch thành chức năng đất hỗn hợp, có quy mô đất là  $0,26\text{ha}$ .

#### **\* Khu tiểu thủ công nghiệp**

Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp của thị trấn tập trung các ngành nghề sau: Thủy sản, xây xát gạo, cưa xẻ gỗ và sản xuất nước đá nhưng không tập trung, chủ yếu trên tuyến kênh số 1, với tổng quy mô sử dụng đất là  $7,33\text{ha}$ . Bao gồm các cơ sở như sau:

+ Công ty TNHH thủy sản Phương Nam (ấp An Định);

+ Công ty Tôn Hoa Sen (ấp An Ninh 2);

+ Công ty Tôn Nam Kim (ấp An Phú);

+ Nhà máy gạo xây xát (ấp An Ninh 1);

+ Cơ sở cưa xẻ gỗ (ấp An Định và ấp An Ninh 1);

+ Cơ sở sản xuất nước đá (ấp An Ninh 2).

Đánh giá hiện trạng, cũng như định hướng phát triển của thị trấn, giữ lại hiện trạng các cơ sở, riêng nhà máy sản xuất nước đá có quy mô  $0,07\text{ha}$ , nằm tại vị trí định hướng quy hoạch thành khu bãi tập kết vật liệu xây dựng, nên định hướng dời đi.

**\* Khu vực phát triển nông nghiệp đô thị**

Hiện trạng năm 2018 đất nông nghiệp chiếm khoảng 1.223,97ha, chiếm 83,66% diện tích toàn thị trấn, chủ yếu là đất trồng lúa nước và cây lâu năm.

- + Đất trồng lúa nước: 792,88 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm: 2,76 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 426,47 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 1,35 ha.
- + Đất nông nghiệp khác: 0,51 ha.

Căn cứ hiện trạng đất nông nghiệp của thị trấn, định hướng quy hoạch khu vực trồng lúa tập trung chủ yếu về phía Tây và Tây Nam của thị trấn, thuộc áp An Phú, áp An Khương và áp An Định. Khu vực trồng cây lâu năm, hàng năm và nuôi trồng thủy sản tập trung phần lớn về phía Đông của thị trấn, thuộc áp An Ninh 2 và áp An Ninh 1.

**\* Khu dự trữ phát triển.**

Khu đất dự trữ phát triển cho đô thị lựa chọn các khu đất ngoài rìa trung tâm, từ nay đến năm 2030 chưa có khả năng phát triển, đồng thời cũng là vành đai xanh phát triển của trung tâm thị trấn. Vì thế quy hoạch định hướng khu vực phía Tây trục đường huyện lộ 2; khu vực phía Nam giáp kênh Mương Lộ, rạch An Nghiệp và rạch Bà Tép; Khu vực phía Tây Bắc giáp với tuyến đường tỉnh 932C dự kiến và khu phía Đông Bắc giáp với kênh Cầu Trắng và kênh thủy lợi.

**1.5. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị**

- Cấu trúc phát triển đô thị Kế Sách được xác định trên trục khung giao thông, điều kiện hiện trạng, tiềm năng phát triển đô thị, hướng phát triển đô thị phải đảm bảo đô thị phát triển bền vững.

- Thị trấn Kế Sách phát triển mô hình đô thị dạng nén, đô thị phát triển theo chuỗi đô thị (đô thị phát triển theo các trục giao thông). Hướng phát triển chính của đô thị theo hướng Nam, Tây Nam, Đông Nam và hướng Bắc.

- Trong giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, đô thị phát triển từ đô thị hiện hữu phát triển đều về các hướng tập trung phát triển bờ Nam. Giai đoạn đến năm 2030 phát triển về hướng Bắc.

**\* Trung tâm hành chính:**

Là khu vực phát triển hạt nhân của trung tâm huyện, thị trấn Kế Sách. Cấu trúc của khu này tạo lập bởi đúng nét đặc trưng của vùng sông nước, tiếp giáp với trục đường 3/2, tuyến đường chạy dọc theo kênh Mương Lộ nối với tuyến đường tỉnh 932 đi ra Quốc lộ 1. Việc phát triển trung tâm thị trấn dự kiến đây sẽ là nhân tố động lực quan trọng để phát triển khu vực nội thị thị trấn trong giai đoạn đầu phát triển, do đây là khu vực hiện trạng các công trình đã được đầu tư về tổ chức không gian đảm bảo mật độ cây xanh, cũng như sân bãi, màu sắc công trình,...

**\* Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp:**

Khu trung tâm thương mại của thị trấn hiện trạng đã hình thành về hướng Đông của thị trấn. Đây là khu vực có sẵn tiền đề phát triển đô thị với tính chất là trung tâm thương mại dịch vụ và khu dân cư thương mại dịch vụ. Khu đất thuận lợi giao thông thủy và bộ, đường thủy giáp với kênh số 1. Đường bộ giáp với tuyến Ung Công Uẩn.

Định hướng mở rộng khu trung tâm thương mại về phía rạch An Nghiệp, hình thành trục thương mại. Việc phát triển mạnh khu này sẽ sớm tạo cho thị trấn một khu trung tâm dịch vụ thương mại và dân cư quan trọng gắn liền với thế mạnh của vùng.

**\* Trung tâm Văn hóa - TDTT:**

Hiện trạng các công trình Văn hóa – TDTT của thị trấn chưa tập trung, quy mô không đảm bảo cho tương lai, vị trí khó mở rộng trong tương lai, định hướng quy hoạch trung tâm Văn hóa – TDTT về hướng Bắc giáp với trục đường chính của đô thị là đường Phan Văn Hùng, đảm bảo về quy mô cũng như mở rộng về tương lai. Từ trục đường Phan Văn Hùng, mở trục về phía Tây vào khu Văn Hóa – TDTT, từ trục này mở về phía Đông kết nối với khu Đông Bắc.

**\* Trung tâm Y tế:**

Bệnh viện đa khoa và trung tâm y tế thuận lợi nằm trên trục đường tỉnh 932, trục đầu nối từ Quốc lộ 1 vào. Đây là công trình tập trung đông người cần tổ chức không gian thoáng, khoảng lùi hợp lý, quy hoạch hệ thống sân bãi, giao thông hợp lý nhất. Lưu ý thiết kế bến sông trên kênh Mương Lộ tạo mỹ quan cho đô thị.

**\* Trung tâm Giáo dục và Đào tạo:**

Các công trình giáo dục cấp độ thị hiện trạng bố trí phân tán, nên việc tổ chức thành khu trung tâm là không thể, vị trí các khu đất thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật. Nằm trên trục chính của đô thị, có đủ diện tích đất để phát triển trong tương lai. Về không gian kiến trúc cảnh quan các công trình cần đảm bảo về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất của mỗi công trình.

**\* Khu vực cửa ngõ:**

Có 4 hướng vào thị trấn là Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi hướng vào thị trấn cần có công chào, có kiến trúc phù hợp địa phương đảm bảo tính thẩm mỹ, tạo không gian cây xanh, kết hợp các chữ “Kính chào quý khách”, ban đêm thiết kế hệ thống đèn, tạo điểm nhấn khi bước vào thị trấn.

**\* Công trình điểm nhấn đô thị:** Ngoài điểm nhấn các công trình khu vực cửa ngõ của đô thị, quy hoạch một số điểm nhấn bên trong đô thị như: Trục kè trên kênh Số 1; Trục 30/4 kết hợp với công viên tượng đài, tầm nhìn qua chùa Hải Phước; Khu hành chính trên trục đường 3/2, khu trung tâm Văn Hóa – TDTT; Khu trung tâm thương mại và điểm đặc biệt là các công trình tính ngưỡng tại thị trấn.

**2. Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội**

**2.1. Mạng lưới công trình trụ sở cơ quan**

- Toàn bộ hệ thống trụ sở cơ quan hành chính cấp huyện được bố trí theo dự án đầu tư xây dựng Khu hành chính của huyện đã thực hiện.

- Giữ nguyên khu trung tâm hành chính huyện trên tuyến đường 3/2.

- Giữ nguyên vị trí trụ sở UBND thị trấn Kế Sách giáp tuyến đường Đinh Tiên Hoàng, quy mô đất 0,075ha.

- Trụ sở cơ quan, văn phòng đại diện của các cơ quan, doanh nghiệp được bố trí theo 2 hình thức: Tập trung tại khu trung tâm hành chính và bố trí trong các khu trung tâm đô thị.

**2.2. Mạng lưới công trình y tế**

- Tuyến cấp huyện: Hiện tại thị trấn có 1 bệnh viện đa khoa và trung tâm y tế huyện nằm tại khu trung tâm phía Tây Nam giáp với trục đường Phan Văn Hùng, đề xuất quy hoạch giữ nguyên vị trí, chỉ nâng cấp cơ sở vật chất.

- Tuyến khu vực: Hiện tại có 1 trạm y tế, trạm bảo vệ thực vật, khuyến nông và thú y giáp với tuyến Thiều Văn Chỏi, thuộc ấp An Định, có quy mô đất 0,28ha không đảm bảo bán kính phục vụ, đề xuất bố trí thêm mỗi trung tâm đô thị có 01 trạm y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng với quy mô khám chữa bệnh, được thực hiện trong đồ án quy hoạch chi tiết.

### **2.3. Mạng lưới công trình giáo dục – đào tạo**

- Tuyến cấp huyện: Hiện tại khu phía Bắc có trường THPT Kế Sách với diện tích là 1,58ha, khu phía Tây Nam có trung tâm dạy nghề huyện Kế Sách với diện tích là 1,504ha, hệ thống trường đảm bảo quy mô và vị trí.

- Tuyến cấp khu vực: Khu phía Tây Nam có trường THCS, tiểu học; Khu phía Bắc có trường tiểu học Kế Sách 1 và mầm non Kế Sách, hiện tại hệ thống trường cấp khu vực đảm bảo quy mô cũng như vị trí, đề xuất quy hoạch thêm khu phía Đông Nam trường THCS, tiểu học và mầm non trong đồ án quy hoạch chi tiết.

### **2.4. Mạng lưới công trình Văn hóa**

- Tuyến huyện: Hiện tại trong khu hành chính có thư viện với quy mô nhỏ, còn các hạng mục khác chưa được đầu tư. Xây dựng các công trình văn hóa cấp huyện như: Cung văn hóa, cung thiếu nhi, thư viện, quảng trường tập trung tại khu VH-TDĐT.

- Tuyến khu vực: Tại các đơn vị ở quy hoạch hệ thống sân tập TDĐT và các công trình văn hóa cấp đơn vị ở với bán kính và quy mô phù hợp được thực hiện trong đồ án quy hoạch chi tiết.

### **2.5. Mạng lưới công trình TDĐT**

- Tuyến huyện: Quy hoạch trung tâm TDĐT và hệ thống sân tập, thi đấu cấp huyện tại khu đất phía Bắc giáp với tuyến Phan Văn Hùng.

- Tuyến khu vực: Tại các khu trung tâm bố trí các sân thể dục thể thao hoặc nhà tập luyện trong công viên của khu vực.

### **2.6. Mạng lưới công trình thương mại – dịch vụ**

Giữ nguyên hệ thống công trình thương mại dịch vụ hiện có, dự kiến mở rộng trung tâm thương mại thị trấn về phía Nam, hình thành khu trung tâm thương mại dịch vụ, chợ đầu mối của toàn huyện.

### **2.7. Hệ thống cây xanh đô thị**

Hệ thống cây xanh đô thị bao gồm:

- Đất cây xanh sử dụng công cộng: Công viên, cây xanh, vườn hoa được quy hoạch chức năng phục vụ cho từng khu phục vụ nhiều đơn vị ở, toàn đô thị.

- Đất cây xanh đường phố: Trên các trục khung, trục đường chính, đường phân khu vực cây xanh được trồng trên vỉa hè, dải phân cách.

- Đất xây xanh cách ly: được quy hoạch tại nghĩa trang liệt sĩ, các trạm xử lý nước thải.

### **2.8. Hệ thống không gian mở đô thị**

Không gian mở đô thị là không gian trống, bên ngoài công trình, được giới hạn bởi công trình, mặt đất, bầu trời, cây xanh.... Tổ chức không gian trống cho đô thị đảm bảo 3 chức năng chính

- + Cải thiện điều kiện vệ sinh và môi trường;
- + Tổ chức các hoạt động xã hội và cộng đồng;
- + Đáp ứng nhu cầu văn hóa – thẩm mỹ.

Các không gian mở của đô thị được quy hoạch tại các công viên cây xanh, vườn hoa đô thị, kè bờ kênh và không gian quảng trường được quy hoạch tại trung tâm văn hóa – TDĐT.

### **3. Định hướng quy hoạch sử dụng đất**

#### **3.1. Định hướng sử dụng đất đến năm 2025**

- Định hướng đến năm 2025 quy mô đất xây dựng đô thị của thị trấn khoảng 200ha, dân số khoảng 7.000 người, mật độ khoảng 3.500 người/km<sup>2</sup>. Hướng phát triển của đô thị nền tảng từ đô thị hiện trạng phát triển mạnh về hướng Tây Nam, một phần hướng Đông Nam và hướng Bắc.

- Khu đất phía Tây: Hoàn thiện khu trung tâm hành chính cấp huyện giáp với tuyến đường 3 tháng 2, từ đô thị hiện trạng mở rộng về hướng đường Huyện lộ 2. Định hướng nối dài tuyến Huyện lộ 2 qua Kênh số 1 về hướng Bắc đầu nối với tuyến đường tỉnh 932 đi về Cần Thơ và Quốc lộ Nam Sông Hậu. Mở trục chính mới của đô thị nối từ tuyến Thiều Văn Chỏi về phía Nam xuống tới trại giam công an huyện rồi đầu nối vào tuyến đường tỉnh 932.

+ Khu đất phía Đông: Giữ nguyên lộ giới các trục hiện trạng, do đây là khu trung tâm thương mại của thị trấn, dân cư tập trung buôn bán rất đông. Định hướng mở rộng trung tâm về phía Nam, bằng cách mở trục thương mại kết nối với trục khung từ khu phía Tây đầu qua, hình thành khung cứng phát triển đô thị.

+ Khu đất phía Bắc: Phía Bắc khu dân cư chủ yếu tập trung gần kênh số 1 và kênh Muong Lộ, một số công trình về giáo dục. Khu đô thị phía Bắc có trục chính Phan Văn Hùng đi qua kết nối khu phía Tây và hướng đi Cần Thơ. Định hướng quy hoạch khu trung tâm Văn hóa – TDTT, quảng trường, mở rộng trục Phan Văn Hùng tạo thành trục cảnh quan của đô thị.

+ Các khu đất ngoài khu trung tâm đô thị, định hướng phát triển nông nghiệp trong đô thị và đất dự trữ phát triển, cùng với hạ tầng kỹ thuật.

#### **3.2. Định hướng sử dụng đất đến năm 2030**

Từ nền tảng phát triển đô thị đến năm 2025, định hướng phát triển đô thị đến năm 2030 tập trung phát triển đô thị theo hướng Tây Nam và Đông Nam, các hướng còn lại phát triển chủ yếu mở rộng đô thị, với quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 400ha, dân số khoảng 20.000 người, mật độ khoảng 5.000 người/km<sup>2</sup>.

**Bảng quy hoạch sử dụng đất qua các giai đoạn toàn thị trấn**

Stt	Loại đất	Hiện trạng toàn thị trấn (ha)	Sử dụng đất khu vực nghiên cứu lập quy hoạch					
			Giai đoạn đến năm 2025 (7.000 người)			Giai đoạn đến năm 2030 (20.000 người)		
			Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>	<b>142,29</b>	<b>200,000</b>	<b>191,790</b>		<b>400,000</b>	<b>394,320</b>	
<b>I</b>	<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>	<b>101,68</b>	<b>43- 54,6</b>	<b>51,130</b>	<b>24,767</b>	<b>122 - 156</b>	<b>147,610</b>	<b>29,670</b>
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>49,970</b>	<b>≤ 35</b>	<b>35,200</b>		<b>≤100</b>	<b>94,000</b>	
1.1	Đất đơn vị ở			35,200			94,000	
<b>2</b>	<b>Đất công cộng, dịch vụ đô thị tổng hợp</b>	<b>8,188</b>	<b>2 - 2,45</b>	<b>4,200</b>		<b>6 - 8</b>	<b>8,040</b>	
2.1	Đất y tế	0,278		0,210			0,210	
2.2	Đất giáo dục (trường THPT)	1,940	0,420	1,470		1,200	1,470	
2.3	Đất văn hóa	0,300		0,000			3,840	
2.4	Đất thương mại dịch vụ	2,410		1,560			1,560	
2.5	Đất chợ	3,100		0,960			0,960	
2.6	Đất TDTT	0,160		0,240			0,240	
<b>3</b>	<b>Đất giao thông nội thị</b>	<b>42,997</b>		<b>6,230</b>			<b>35,500</b>	
<b>4</b>	<b>Đất cây xanh đô thị</b>	<b>0,520</b>	<b>2,1 - 2,8</b>	<b>5,500</b>		<b>8 - 10</b>	<b>10,070</b>	
<b>II</b>	<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>	<b>40,611</b>	<b>125,4 - 137,3</b>	<b>140,660</b>	<b>68,136</b>	<b>244- 278</b>	<b>246,710</b>	<b>49,590</b>
<b>1</b>	<b>Đất tiểu thủ công nghiệp</b>	<b>7,330</b>		<b>5,690</b>			<b>6,520</b>	
<b>2</b>	<b>Đất cơ quan và các công</b>	<b>2,950</b>		<b>2,950</b>			<b>2,950</b>	

**Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách đến năm 2030**

Stt	Loại đất	Hiện trạng toàn thị trấn (ha)	Sử dụng đất khu vực nghiên cứu lập quy hoạch					
			Giai đoạn đến năm 2025 (7.000 người)			Giai đoạn đến năm 2030 (20.000 người)		
			Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>trình sự nghiệp</b>							
<b>3</b>	<b>Đất y tế</b>	<b>3,312</b>		<b>3,312</b>			<b>3,312</b>	
3.1	Bệnh viện đa khoa	2,940	0,280	2,940		0,800	2,940	
3.2	Trung tâm y tế	0,372	0,15 - 0,25	0,372		0,15 - 0,25	0,372	
<b>4</b>	<b>Đất tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>7,710</b>		<b>4,920</b>			<b>5,210</b>	
<b>5</b>	<b>Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo</b>	<b>1,643</b>		<b>0,139</b>			<b>0,139</b>	
5.1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0,139		0,139			0,139	
5.2	Trung tâm dạy nghề huyện Kế Sách	1,504		0,000			0,000	
<b>6</b>	<b>Đất giao thông, bến bãi</b>	<b>3,492</b>		<b>32,481</b>			<b>114,563</b>	
6.1	Giao thông bộ	1,290		32,061			110,307	
6.2	Bến xe	0,092		0,000			0,076	
6.3	Quảng trường	0,000		0,000			1,320	
6.4	Bãi xe đô thị	0,190		0,190			0,710	
6.5	Bãi tập kết vật liệu xây dựng	1,920		0,000			1,920	
6.6	Bến hàng hóa thủy nội địa	0,000		0,230			0,230	
<b>7</b>	<b>Đất công trình đầu mối HTKT</b>	<b>0,056</b>		<b>0,008</b>			<b>0,478</b>	
7.1	Trạm xử lý nước thải	0,000		0,000			0,455	
7.2	Trạm cấp nước sạch	0,056		0,000			0,015	
7.3	Trạm trung chuyển chất thải rắn tạm thời	0,000		0,008			0,008	
<b>8</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>0,000</b>		<b>0,000</b>			<b>5,468</b>	
8.1	Đất trung tâm TĐTT	0,000		0,000			5,260	
8.2	Cây xanh cách ly	0,000		0,000			0,208	
<b>9</b>	<b>Đất an ninh, Quốc phòng</b>	<b>7,210</b>		<b>1,240</b>			<b>2,210</b>	
9.1	Đất quốc phòng	5,700		0,000			0,000	
9.2	Đất an ninh	1,510		1,240			2,210	
<b>10</b>	<b>Đất nghĩa trang</b>	<b>6,830</b>		<b>0,000</b>			<b>0,000</b>	
<b>11</b>	<b>Đất hỗn hợp</b>	<b>0,000</b>		<b>89,920</b>			<b>105,860</b>	
<b>B</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>1.320,574</b>		<b>14,650</b>	<b>7,096</b>		<b>103,180</b>	<b>20,740</b>
1	Đất mặt nước	96,604		14,650			31,380	
2	Đất dự phòng phát triển	0,000		0,000			71,800	
3	Đất nông nghiệp đô thị	1.223,970		0,000			0,000	
<b>C</b>	<b>ĐẤT TOÀN ĐÔ THỊ (A+B)</b>	<b>1.462,86</b>		<b>206,440</b>	<b>100,000</b>		<b>497,500</b>	<b>100,000</b>

**3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất của các khu chức năng đô thị**

**a. Khu các công trình hành chính**

- + Mật độ xây dựng đối với công trình xây mới: 50%;
- + Mật độ xây dựng đối với công trình đã xây dựng, nếu xây thêm thì đảm bảo tối đa: 70%;
- + Mật độ cây xanh tối thiểu: 30%;
- + Tầng cao xây dựng tối đa: 06 tầng;
- + Cote xây dựng công trình +2,0m theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

**b. Khu công viên, cây xanh, quảng trường**

- + Mật độ xây dựng công viên tối đa: 5%.
- + Tầng cao xây dựng của công viên tối đa: 1 tầng.
- + Mật độ xây dựng và tầng cao quảng trường: 0.
- + Cote xây dựng công trình +2.0m, theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

**c. Khu thương mại - dịch vụ**

Khu dịch vụ - thương mại dịch vụ quy định xây dựng cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng thuần (net-tô):

Chiều cao xây dựng công trình trên mặt đất (m)	Mật độ xây dựng tối đa (%) theo diện tích lô đất			
	3.000m <sup>2</sup>	10.000m <sup>2</sup>	18.000m <sup>2</sup>	≥35.000m <sup>2</sup>
≤16	80	70	68	65
19	80	65	63	60
22	80	62	60	57
25	80	58	56	53
28	80	55	53	50

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 06 tầng.

+ Mật độ cây xanh tối thiểu: 30%.

+ Cote xây dựng công trình +2,0m. theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

**d. Khu giáo dục, trung tâm nghiên cứu – đào tạo**

Stt	Chức năng	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)
01	Trường THCS	≤ 45	≤ 04
02	Trường tiểu học	≤ 40	≤ 03
03	Trường mầm non	≤ 40	≤ 02
04	Trường THPT	≥ 45	≤ 04
05	Trung tâm dạy nghề	≥ 45	≤ 04
06	Trường chính trị	≥ 45	≤ 04
07	Trung tâm nghiên cứu – đào tạo	≥ 45	

+ Cote xây dựng công trình +2,0m. theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

**e. Khu thể dục thể thao**

+ Mật độ xây dựng tối đa: 35%

+ Tầng cao tối đa: 03 tầng

+ Cote xây dựng công trình +2,0m, theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

**f. Khu ở**

Mật độ xây dựng gộp (brut-tô) tối đa 60% hoặc tính theo mật độ xây dựng thuần (net-tô) quy định tại bảng 2.6; 2.7a QCVN 01:2008 BXD.

+ Tầng cao tối đa: 06 tầng.

+ Cote xây dựng công trình +2.0m, theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

**g. Khu đất hỗn hợp**

Mật độ xây dựng gộp (brut-tô) tối đa 80%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 06 tầng.

+ Cote xây dựng công trình +2.0m, theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

#### **h. Khu công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp**

Mật độ xây dựng gộp (brut-tô) tối đa trong toàn khu công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp là 50%.

+ Tầng cao xây dựng tối đa: 03 tầng.

+ Cote xây dựng công trình +2,2m, theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

#### **4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

Yêu cầu chung trong công tác quy hoạch: Đáp ứng cho đô thị loại IV. Trong đó có nhiệm vụ làm rõ các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đã có hiện tượng và xu hướng rõ rệt tại khu vực miền Tây Nam Bộ. Phù hợp với chương trình ứng phó với biến đổi của tỉnh đã được phê duyệt.

##### **4.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

###### **a. San nền:**

Theo khảo sát và báo cáo Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Sóc Trăng hiện tại huyện Kế Sách chưa đặt trạm, chỉ có 01 trạm tại Đại Ngãi, nhưng do khu vực Đại Ngãi khá xa và thấp hơn so với thị trấn kế sách, vì thế cơ sở tính cao độ san nền cho thị trấn sẽ lấy số liệu cao độ trung bình hiện trạng của thị trấn và tham khảo theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn 2050.

Cao độ trung bình toàn khu vực lập quy hoạch hiện nay khoảng + 0,9m đến +1.1m hệ cao độ Hòn Dấu - Hải Phòng, hệ tọa độ Quốc gia VN2000.

Cao độ nền xây dựng trong khu vực được xác định theo yêu cầu đảm bảo độ không chế cao hơn nước biển dâng do biến đổi khí hậu ở kịch bản bất lợi nhất, độ dốc đảm bảo thoát nước trung bình 0,005%.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu trong những năm gần đây xác định cao độ nền hợp lý cho từng khu vực, đảm bảo thoát nước tốt, bám sát địa hình tự nhiên và hiệu quả đầu tư, lựa chọn cao độ san nền (cốt xây dựng) không chế trung bình là +2.0m, Vùng công nghiệp cao độ san nền trung bình +2,0m đến +2,2m theo hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000.

- Đề xuất cao độ nền đô thị được xác định:  $H_{xd} \geq +2.2 \text{ m}$ .

- Độ dốc nền thiết kế dọc theo các hướng thoát nước:  $i_{XD} \geq 0,002$ .

Kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng các công trình mới làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước của các khu dân cư hiện hữu liền kề. Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân.

###### **\* Giải pháp san nền:**

+ Đối với khu vực đã xây dựng: Từng bước hoàn thiện cao độ, nâng dần cao độ nền xây dựng đến cao độ không chế theo quy hoạch.

+ Đối với khu vực chưa xây dựng: Không chế cao độ xây dựng theo quy hoạch, san nền đến cao độ không chế chung của khu vực.

+ Giải pháp san nền bằng cát đen, kết hợp đào hồ tạo cảnh quan và tận dụng nạo vét kênh, rạch tự nhiên để lấy đất, đồng thời thuận lợi cho việc tiêu thoát nước và giao thông thủy.



**b. Thoát nước mưa:**

**\* Phương án quy hoạch**

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước bản. Xác định hướng thoát và phân chia lưu vực, thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCVN 01: 2008/BXD, QCVN 07-2: 2016/BXD; Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Những yêu cầu chung hệ thống thoát nước mưa cần đạt được:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn về phát triển hạ tầng kỹ thuật. Mạng lưới đường cống được bố trí bám theo các trục giao thông, đồng thời đảm bảo kết nối và tính tự chủ trong đầu tư xây dựng của dự án.

+ Từ nay đến năm 2025 phạm vi phục vụ của hệ thống đạt 80% trở lên và đến năm 2030 cơ bản hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa.

+ Giải quyết được cơ bản tình hình ngập úng của khu vực trong mùa mưa và tình hình ô nhiễm môi trường từ nước thải chảy ra hệ thống cống chung (giữa nước mưa và nước thải), giảm tới mức tối thiểu mức độ ô nhiễm do nước thải tới môi trường.

+ Khai thác tối đa khả năng, các điều kiện thuận lợi của khu vực cho công tác thoát nước như hệ thống sông ngòi, kênh rạch hiện hữu có khả năng thoát nước tự chảy khi triều rút để thoát toàn bộ nước mưa ra kênh rạch.

+ Các vị trí thoát nước chủ yếu thoát ra kênh Số 1, kênh Mương Lộ.

- Giải pháp thoát nước khu vực đô thị: Hiện nay có một số tuyến cống, mương thoát nước chung cần được cải tạo, nạo vét khơi thông dòng chảy tới các điểm xả ra nguồn. Tại các điểm xả phải có các giếng tách nước thải để thu gom nước thải về trạm xử lý. Tại các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng sử dụng cống tròn BTCT – H10 – H30, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống T=3 năm. Kích thước cống biến đổi từ D600mm ÷ D1200mm..

**\* Lưu vực thoát nước:**

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải, được chia thành 04 lưu vực chính theo địa hình tự nhiên.

+ Lưu vực 1: Bao gồm khu vực phía Tây Nam của đô thị hướng thoát về kênh Số 1 và kênh Mương Lộ.

+ Lưu vực 2: Bao gồm khu vực phía Đông Nam của đô thị hướng thoát về kênh Số 1 và kênh Mương Lộ.

+ Lưu vực 3: Bao gồm khu vực phía Tây Bắc của đô thị hướng thoát về kênh Số 1 và kênh Mương Lộ.

+ Lưu vực 4: Bao gồm khu vực Đông Bắc của đô thị hướng thoát về kênh Số 1 và kênh Mương Lộ.

**\* Giải pháp quy hoạch**

- Tận dụng triệt để các dòng sông, kênh, rạch trong khu vực cho việc thoát nước. Tất cả các tuyến cống có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền và theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất. Để tiện cho việc quản lý sau này toàn bộ cống, hố ga bố trí trên vỉa hè khoảng cách giữa 2 hố ga không quá 36m, độ dốc cống tối thiểu  $i=1/D$ .

- Quy trình tính toán thủy lực tuân theo tiêu chuẩn TCVN-7957-2008.

$$Q = \Psi \cdot q \cdot F \text{ (l/s)}$$

Trong đó:

- Q : lưu lượng mưa rào thiết kế (l/s)
- q : cường độ mưa rào thiết kế (l/s/ha)
- F : diện tích tụ nước (ha)
- Ψ : hệ số dòng chảy
- Hệ số dòng chảy Ψ:

Stt	Các loại vật liệu phủ mặt	Ψ
1	Mặt đường nhựa, bê tông xi măng, mái nhà	0,74
2	Mặt đường đá lát, mặt đường nhựa láng mặt	0,60
3	Mặt đường cấp phối	0,45
4	Mặt đường đá dăm	0,40
5	Mặt đường đất	0,30
6	Công viên, thảm cỏ	0,15

- Cường độ mưa rào thiết kế q (l/s/ha) :

$$q = ((20+b)^n \times q_{20} \times (1+ClgP)) / (T+b)^n$$

Trong đó : q: cường độ mưa rào thiết kế (l/s/ha)

T: thời gian mưa tính toán (phút)

P: chu kỳ tràn công (năm)

A, C, b, n: tham số phụ thuộc khu vực

**BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ**

STT	VẬT TƯ	KÍ HIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH
1	CỐNG NGẮM THOÁT NƯỚC	-----	24138	M
2	HỐ GA THU NƯỚC	●	104	CÁI
3	CỬA XÃ	-----{	6	CÁI

**4.2. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông**

**\* Nguyên tắc thiết kế**

- Kết nối giao thông vùng huyện và vùng tỉnh, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh phát triển giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020.

- Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và bền vững. Thiết kế hệ thống giao thông đáp ứng được nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa ngày càng gia tăng.

- Hệ thống giao thông được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 4050-2005; TCXDVN 104-2007; TCVN 5729-1997 và một số tiêu chuẩn hiện hành khác.

- Các giải pháp thiết kế cần có giải pháp ứng phó với việc ngập úng kéo dài.

**\* Giao thông đối ngoại**

**a. Đường bộ:**

- Tuyến đường tỉnh 932, tuyến chính đi vào trung tâm thị trấn Kế Sách hướng từ Quốc lộ 1, định hướng quy hoạch đạt chuẩn cấp III đồng bằng. Khi vào thị trấn do tuyến đường giáp với kênh Mương Lộ, hiện trạng phía giáp với kênh Mương Lộ đã làm kè, nên việc mở rộng đường chỉ mở lên phần đất trên bờ, vì vậy để đảm bảo ít bị ảnh hưởng đến hiện trạng nên được quy hoạch có lộ giới là 25m, lòng đường mỗi bên 8m, dây phân cách 1m, vỉa hè trên bờ 5m, vỉa hè giáp kênh 3m tới giao với tuyến huyện lộ 2 cũ.

- Tuyến đường tỉnh 932C (đường huyện lộ 2 cũ), theo quy hoạch vùng tỉnh Sóc Trăng là không khả thi, do hướng tuyến khá dài, chi phí đầu tư lớn. Do đó định hướng quy hoạch khi tới giao với **tuyến Huyện lộ 2 cũ** sẽ đi về hướng Bắc, qua kênh số 1, giao với tuyến đường tỉnh 932 một hướng đi về Cần Thơ, một hướng đầu nối vào tuyến đi Khu căn cứ Bung kiến vàng (dọc theo kênh Cầu Trắng) đi về Quốc lộ Nam Sông Hậu. Quy hoạch có lộ giới là 28m, đạt chuẩn cấp III đồng bằng. Đồng thời tuyến này cũng là tuyến tránh của đường tỉnh 932 khi qua trung tâm thị trấn.

- Tuyến đường huyện lộ 2 cũ đoạn từ đường tỉnh 932C đi về hướng Nam giao với tuyến đường tỉnh 932, định hướng là tuyến tránh của tuyến đường tỉnh 932 khi qua trung tâm, định hướng quy hoạch có lộ giới 28m, đạt chuẩn cấp III đồng bằng.

- Tuyến đường huyện 07 là tuyến giáp ranh với huyện Châu Thành, hướng Tây đầu nối với tuyến huyện 94 đi về thị trấn Châu Thành, hướng Đông đầu nối với tuyến huyện 06 đi về thị trấn Đại Ngãi.

- Tuyến đường huyện 05A, hiện trạng chưa hình thành, định hướng quy hoạch sẽ đầu nối vào tuyến đường tỉnh 932C sau khi điều chỉnh hướng tuyến như định hướng quy hoạch.

- Tuyến đường huyện 06, hiện trạng là tuyến đường nội ô Ung Công Uẩn từ tuyến Huyện lộ 2 cũ đi về hướng xã An Mỹ.

**b. Đường thủy:**

- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015;

- Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016;

- Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 11/01/2016.

- Kênh số 1 do tỉnh quản lý toàn tuyến dài 22 km, trong đó qua thị trấn Kế Sách 4km, tuyến đáp ứng khai thác vận tải thủy nội địa với cấp V – Đường thủy nội địa. Các công trình trên tuyến này phải đảm bảo thỏa các quy định sau:

+ Chiều rộng kênh >15m; chiều sâu >2,2m;

+ Cầu qua kênh: khẩu độ khoang thông thuyền >15m; chiều cao tĩnh không 4(3,5)m;

+ Hành lang bảo vệ luồng là 10m.

- Kênh Mương Lộ, tuyến đáp ứng khai thác vận tải thủy nội địa cấp VI – đường thủy nội địa. Các công trình trên tuyến kênh này phải đảm bảo các quy định sau:

+ Chiều rộng kênh >10m; sâu >1,3m;

+ Cầu qua kênh: khẩu độ khoang thông thuyền >10m; chiều cao tĩnh không >3(2,5)m;

+ Hành lang bảo vệ luồng là 10m.

- Khơi thông, nạo vét, mở rộng các tuyến kênh, sông trong thị xã và vùng lân cận đảm bảo cho các phương tiện đi lại phục vụ du lịch, giải trí và sản xuất.

**\* Giao thông đối nội**

- Một số tuyến đường khu vực trung tâm cơ bản đã hình thành, dân sống mật độ cao, một số tuyến được quản lý theo thực tế còn lại được quản lý theo quy hoạch phê duyệt năm 2003 như sau:

**Bảng lộ giới các tuyến đường hiện trạng đang quản lý**

<b>Stt</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Lộ giới (m)</b>
<b>A</b>	<b>Các tuyến quản lý theo thực tế</b>	
1	Phan Văn Hùng (từ đường 3/2 tới cầu Kế Sách)	19
2	Ung Công Uẩn (Từ HL2 cũ tới Phan Văn Hùng)	24
3	Ung Công Uẩn (Từ Phan Văn Hùng tới cầu An Mỹ)	15
4	Ung Công Uẩn (Từ cầu An Mỹ tới hết trung tâm thương mại)	15
5	Ung Công Uẩn (từ trung tâm thương mại tới hết ranh thị trấn)	28
<b>B</b>	<b>Các tuyến hiện trạng quản lý theo quy hoạch được phê duyệt năm 2003</b>	
1	Phan Văn Hùng (từ cầu Kế Sách tới đường tỉnh 932)	19
2	Thiều Văn Chỏi	13
3	Đường 3/2	18
4	Đường tỉnh 932 (từ ngã giao huyện lộ 2 cũ tới Phan Văn Hùng)	24
5	Đường 30/4 (từ Ung Công Uẩn tới hoa viên)	25
6	Đường 30/4 (từ hoa viên tới Phan Văn Hùng)	15
7	Đường Nguyễn Hoàng Huy (từ đường bến đò tới rạch An Nghiệp)	13

**Bảng lộ giới các tuyến đường quy hoạch**

<b>Stt</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Lộ giới (m)</b>
1	Đường chính của đô thị	25 - 28
2	Đường trục khung đô thị	30
3	Đường phân khu vực	16 - 18

**\* Công trình giao thông**

**a. Công trình cầu, cống**

- Dự kiến xây dựng mới và cải tạo các cầu như sau:

+ Kênh số 1: Xây mới 01 cây cầu qua Kênh số 1;

+ Kênh Mương Lộ phía Nam: Cải tạo cầu hiện trạng từ đường tỉnh 932 qua xã An Mỹ;

+ Kênh Mương Lộ phía Bắc: Cải tạo 02 cầu Thanh Niên và 01 cây cầu qua xã Thới An Hội.

+ Rạch An Nghiệp: xây mới cống qua rạch An Nghiệp.

- Các cầu cống khác trong khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới theo nguyên tắc phù hợp với yêu cầu quy hoạch của mạng lưới giao thông, các tiêu chí kinh tế - kỹ thuật - mỹ quan, quy hoạch đến năm 2030.

**b. Bến xe, bãi xe**

- Bến xe: Bến xe khách trước mắt tới năm 2025 sử dụng bến xe hiện trạng trên tuyến Ung Công Uẩn, quy mô 0,092ha. định hướng đến năm 2030 quy hoạch bến xe về hướng bắc, giáp trục đường tỉnh 932, thuộc xã Thới An Hội, bến xe loại 4, quy mô khoảng 3,7ha.

- Bãi xe: hiện trạng có 1 bãi xe tại trung tâm thương mại thị trấn, dự kiến quy hoạch 1 bãi xe kết hợp hoa viên khu Tây Nam tại nhà Văn hóa hiện trạng và 1 bãi xe tại khu trung tâm Văn hóa – TDTT phía Bắc.

**c. Bền hàng hóa thủy nội địa**

- Bền hàng hóa thủy nội địa: Quy hoạch tại trung tâm Kế Sách 01 bến kết hợp với kho trung chuyển đường bộ, giáp kênh số 1, nối từ trung tâm thương mại thị trấn Kế Sách xuống kênh, với quy mô khoảng 0,23ha.

- Bền tập kết vật liệu xây dựng: Quy hoạch bến tập kết vật liệu xây dựng, tại khu vực hiện trạng đang tồn tại trên tuyến Ung Công Uẩn, kênh Số 1. Quy mô 1,92ha.

**BẢNG QUY HOẠCH VỀ LỘ GIỚI ĐẾN NĂM 2030**

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CÁT	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DÂY PHÂN CÁCH (m)	KHOẢNG LÙI (m)
<b>GIAO THÔNG HIỆN TRẠNG</b>								
1	UNG CÔNG UẨN	955	4--4	19	8	5,5+5,5	-	khoảng lùi mỗi bên sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chi tiết
		213	7--7	15	7	4+4	-	
		618	3'--3'	24	7+7	4+4	2	
2	NGUYỄN HOÀNG HUY	2123	9--9	13	7	3+3	-	
3	THIỀU VĂN CHỎI	846	9--9	13	7	3+3	-	
4	3 THÁNG 2	433	5--5	18	8	5+5	-	
5	PHAN VĂN HÙNG (*)	1204	3'--3'	24	7+7	4+4	2	
		682	4--4	19	6+6	3+3	1	
		1010	3'--3'	24	7+7	4+4	2	
6	30 THÁNG 4	100	3--3	25	7+7	4,5+4,5	2	
		53	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
		195	7--7	15	7	4+4	-	
7	LÊ LỢI	571	9--9	13	7	3+3	-	
8	LÊ VĂN TÁM	715	5--5	18	8	5+5	-	
9	BẠCH ĐĂNG	205	11--11	10	6	2+2	-	
10	PHAN VĂN HÙNG (HƯƠNG LỘ 1 CŨ)	998	5--5	18	8	5+5	-	
11	TUYẾN TRÁNH (HUYỆN LỘ 2 CŨ)	1733	2--2	28	8+8	5+5	2	
12	ĐƯỜNG TỈNH 932C	1730	2--2	28	8+8	5+5	2	
<b>GIAO THÔNG QUY HOẠCH MỚI</b>								
1	ĐƯỜNG N01	708	5--5	18	8	5+5	-	
2	ĐƯỜNG N02	625	5--5	18	8	5+5	-	
3	ĐƯỜNG N03	786	9--9	13	7	3+3	-	
4	ĐƯỜNG N04	711	5--5	18	8	5+5	-	
5	ĐƯỜNG N05	878	5--5	18	8	5+5	-	
6	ĐƯỜNG N06	889	5--5	18	8	5+5	-	
7	ĐƯỜNG N07	772	5--5	18	8	5+5	-	
8	ĐƯỜNG N08	742	9--9	13	7	3+3	-	
9	ĐƯỜNG N09	408	5--5	18	8	5+5	-	
10	ĐƯỜNG N10	460	5--5	18	8	5+5	-	
11	ĐƯỜNG N11	630	5--5	18	8	5+5	-	
12	ĐƯỜNG N12	170	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
13	ĐƯỜNG N13	170	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
14	ĐƯỜNG N14	923	1--1	30	8+8	6+6	2	
15	ĐƯỜNG N15	658	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
16	ĐƯỜNG D01	338	8--8	14	7	3,5+3,5	-	

**Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách đến năm 2030**

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CÁT	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DÂY PHÂN CÁCH (m)	KHOẢNG LÙI (m)
17	ĐƯỜNG D02	710	6--6	16	8	4+4	-	
18	ĐƯỜNG D03	366	6--6	16	8	4+4	-	
19	ĐƯỜNG D04	1181	1--1	30	8+8	6+6	2	
20	ĐƯỜNG D05	1331	8--8	13	7	3+3	-	
21	ĐƯỜNG D06	810	5--5	18	8	5+5	-	
22	ĐƯỜNG D07	258	9--9	17	7	5+5	-	
23	ĐƯỜNG D08	210	9--9	17	7	5+5	-	
24	ĐƯỜNG D08	10	11--11	10	6	2+2	-	
25	ĐƯỜNG D09	257	2--2	15	7	4+4	-	
26	ĐƯỜNG D10	488	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
27	ĐƯỜNG D11	485	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
28	ĐƯỜNG D12	798	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
29	ĐƯỜNG D13	912	8--8	14	7	3,5+3,5	-	
30	ĐƯỜNG D14	821	5--5	18	8	5+5	-	
31	ĐƯỜNG D15	966	8--8	14	7	3,5+3,5	-	

**Bảng xác định cốt xây dựng không chế các trục đường chính**

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Dây phân cách (m)	Cốt XD không chế (m)
1	PHAN VĂN HÙNG	24	7 + 7	4 + 4	2	+2,10
		19	6 + 6	3 + 3	1	+2,09
		24	7 + 7	4 + 4	2	+2,10
2	UNG CÔNG UẨN	19	8	5,5 + 5,5		+2,03
		15	7	4 + 4		+2,03
		24	7 + 7	4 + 4	2	+2,095
3	TUYÊN TRÁNH (HUYỆN LỘ 2 CỬ)	28	8 + 8	5 + 5	2	+2,11
4	ĐƯỜNG TỈNH 932C	28	8 + 8	5 + 5	2	+2,11
5	ĐƯỜNG D04	30	8 + 8	6 + 6	2	+2,10
6	ĐƯỜNG N01	18	8	5 + 5		+2,03
7	ĐƯỜNG D06	18	8	5 + 5		+2,03
8	ĐƯỜNG D09	15	7	4 + 4		+2,03
9	ĐƯỜNG N14	30	8 + 8	6 + 6	2	+2,10

\* Cao độ không chế tại chỉ giới đường đỏ +2,00m, độ dốc vỉa hè 1%, độ dốc lòng đường 2%.

**4.3. Định hướng cấp nước**

**\* Nhu cầu và nguồn cấp nước sạch**

- Căn cứ Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 8/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch cấp nước Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách đến năm 2030**

- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.
- Vùng cấp nước: Vùng III – Vùng Tây Nam Sông Hậu.
- Nguồn nước: Hiện tại mật độ dân cư tập trung thị trấn thấp, phân tán, quy mô nhỏ nên trước mắt sử dụng nguồn nước ngầm cấp nước sinh hoạt cho đến khi tiếp cận được với nguồn nước thuận lợi khác.
- Xác định nhu cầu dùng nước: Nhu cầu và tỷ lệ cấp nước sinh hoạt tối thiểu là.

**Bảng dự báo nhu cầu cấp nước đô thị**

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô		Đơn vị	Chỉ tiêu (m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ đạt	Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ngđ)	
		Đến 2025	Đến 2030				Đến 2025	Đến 2030
1	Nước dùng cho sinh hoạt	7.000	20.000	người	0,12	100%	770	2.400
2	Nước dùng cho công cộng và dịch vụ					10%	77	240
3	Nước dùng cho tưới cây rửa đường					8%	62	192
4	Nước các cơ sở tiêu thụ công nghiệp					8%	62	192
	<b>Cộng</b>						<b>977</b>	<b>2.909</b>
5	Nước rò rỉ, dự phòng					25%	243	756
	<b>Tổng lượng nước dùng</b>						<b>1.213</b>	<b>3.780</b>
6	Nước dùng cho bản thân trạm					4%	49	151
	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>						<b>1.261</b>	<b>3.931</b>

**\* Công suất**

- Nhu cầu dùng nước dự tính đến năm 2025 khoảng 1.300m<sup>3</sup>/ng.đ;
- Nhu cầu dùng nước dự tính đến năm 2035 khoảng 4.000m<sup>3</sup>/ng.đ.

Như vậy đến năm 2030 tổng công suất dùng nước là 4.000m<sup>3</sup>/ng.đ. Hiện trạng có 1 trạm công suất 1.200m<sup>3</sup>/ngđ, như vậy cần xây dựng thêm nhà máy để đảm bảo công suất phục vụ đến năm 2030. Do đô thị chia làm 04 khu, nên xác định quy hoạch mỗi khu 1 nhà máy cấp nước, định hướng bố trí trong các khu công viên đô thị và khu Văn hóa – TDTT.

Stt	Khu vực cung cấp nước	Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Diện tích xd trạm (ha)
01	Khu 1 (Tây Nam)	1.100	0,05
02	Khu 2 (Đông Nam)	1.100	0,05
03	Khu 3 (Tây Bắc)	1.000	0,05
04	Khu 4 (Đông Bắc)	700	0,02

**\* Mạng lưới ống**

- Mạng lưới ống hiện trạng: đấu nối mạng lưới ống hiện trạng với mạng lưới ống quy hoạch mới, để đảm bảo cấp nước liên tục khi xảy ra sự cố.
- Mạng lưới ống quy hoạch mới: Quy hoạch mạng lưới đường ống chính khép kín, mạng ống nhánh đấu nối vào mạng ống chính để cấp cho các khu vực.
- Mạng cấp nước chữa cháy: Quy hoạch chung với mạng cấp nước sinh hoạt.
- Sử dụng ống nhựa HDPE, UPVC đạt tiêu chuẩn ISO 4427-2007(E) làm ống cấp nước chính.
- Ống cấp nước được lắp đặt trên vỉa hè cách chỉ giới đường đỏ từ 0,75÷ 1,5m tùy theo từng tuyến đường cụ thể.
- Độ sâu chôn ống trung bình là 0,8m tính từ đỉnh ống.

#### **4.4. Định hướng cấp điện**

##### **\* Nguồn cấp điện**

Hiện nay thị trấn Kế Sách được cấp điện từ nguồn điện lưới điện Quốc gia thông qua trạm biến áp 110/22kv Phụng Hiệp dẫn tới, trong tương lai khi trạm 110KV Kế Sách được xây dựng thì nguồn điện cấp cho thị trấn Kế Sách được lấy từ trạm 110KV Kế Sách này.

##### **\* Hiện trạng lưới điện khu vực**

Toàn bộ lưới điện trung áp thị trấn Kế Sách đang vận hành ở cấp điện áp 22KV, trung tính nối đất trực tiếp. Kết cấu lưới chủ yếu là đường dây trên không, trục chính bố trí 3 pha, 4 dây; các nhánh rẽ 1 pha 2 dây.

- Phát triển hệ thống cấp điện cần tính toán việc biến đổi khí hậu, khuyến cáo sử dụng vật liệu và giải pháp xây dựng tuyến phù hợp trong điều kiện gió bão lớn.

##### **\* Nhu cầu cấp điện**

Tính toán phụ tải cấp điện: Theo QCVN 07:2010/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình HTKT đô thị như sau: Áp dụng cho đô thị loại IV theo NQ1210/2016/UBTVQH13.

#### **Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt từng giai đoạn**

STT	Loại phụ tải điện	Qui mô		Đơn vị	Chỉ tiêu (KW)		Công suất (kW)	
		2025	2030		2025	2030	2025	2030
1	Cấp điện sinh hoạt (KW/ng)	7.000	20.000	Người	0,2	0,33	1.400	6.600
2	Cấp điện công cộng				30%	30%	420	1.980
3	Cấp điện cho các cơ sở TTCN	5,68	6,45	ha	140	140	795	903108
<b>Tổng công suất</b>							<b>2.615</b>	<b>9.483</b>

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế cho toàn bộ đường và quảng trường đô thị theo tiêu chuẩn.

- Mạng lưới điện trung thế, hạ thế xây dựng mới đi ngầm dọc theo các đường phố quy hoạch.

- Mạng lưới điện trung thế, hạ thế có trên các đường phố từng bước ngầm hóa để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

##### **\* Giải pháp thiết kế**

- Phụ tải khu vực công trình và lưới hạ thế sáng công cộng sẽ được cấp điện từ trạm biến áp xây dựng mới, các trạm này được cung cấp nguồn bởi tuyến trung thế 03 pha phải thỏa các điều kiện sau:



+ Phương án đấu nối vào lưới khu vực phải phù hợp với quy hoạch đồng thời thuận lợi cho công tác quản lý vận hành lưới điện sau này.

+ Phải phù hợp với yêu cầu trước mắt và quy hoạch phát triển lâu dài của lưới điện khu vực, hiệu quả về mặt cung cấp điện và đảm bảo hợp lý về kinh tế.

+ Phần dây hạ thế chiếu sáng công cộng được bố trí chung với đường dây hạ thế và được điều khiển đóng cắt bởi hệ thống riêng biệt.



**Bảng thống kê vật tư cấp điện**

STT	VẬT TƯ	KÍ HIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG HDPE DN CẤP NƯỚC		M	54.665
2	TRẠM CẤP NƯỚC 1200M3/ NGÀY		TRẠM	02
3	TRẠM CẤP NƯỚC 1000M3/ NGÀY		TRẠM	01
4	TRẠM CẤP NƯỚC 700M3/ NGÀY		TRẠM	01

**4.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

**a. Thoát nước thải**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015; Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

**\* Các yêu cầu chung:**

- Từ này đến năm 2025 phải đạt được 20% tổng lượng nước thải tại khu vực trung tâm được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường và phạm vi phục vụ của hệ thống (khu vực trung tâm) trên 80%. Đến năm 2030 hoàn thiện hệ thống, lượng nước thải phát sinh đều có giải pháp thu gom và cơ bản được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Năm 2025: 60% trạm y tế có hệ thống thoát nước thải riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; 40% phòng khám chuyên khoa tư nhân có xử lý nước thải y tế sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

- Năm 2030: 100% trạm y tế có hệ thống thoát nước thải riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; 80% phòng khám chuyên khoa tư nhân có xử lý nước thải y tế sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

**\* Lựa chọn hệ thống thoát nước:**

- + Các khu đô thị xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng;
- + Các khu đô thị cũ đã có mạng lưới thoát nước chung phải sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoặc cải tạo đồng bộ thành hệ thống thoát nước riêng.

**\* Giải pháp thiết kế:**

- Sử dụng mô hình xử lý nước thải phi tập trung cho đô thị;
- Nước thải sinh hoạt được thu gom và thông qua các trạm xử lý nước thải dự kiến của từng khu vực để xử lý trước khi thoát vào hệ thống thoát mưa và chảy ra sông ngòi.

- Trong giai đoạn trước mắt, khi các trạm xử lý nước thải khu vực chưa được xây dựng thì phải xử lý các giải pháp sau:

+ Xử lý nước thải phi tập trung tại chỗ: Đối với các hộ thoát nước riêng lẻ với tổng lượng nước thải dưới 50m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Xử lý nước thải phi tập trung theo cụm: Thường áp dụng đối với từng khu với tổng lượng nước thải từ 50m<sup>3</sup>/ng.đ – 200m<sup>3</sup>/ng.đ. Vị trí đặt trạm xử lý tại vị trí riêng biệt, thuận lợi để thu gom nước thải.

**\* Lưu lượng thoát nước thải**

STT	Đối tượng thoát nước	Tiêu chuẩn cấp nước		Tỷ lệ đạt	Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ngđ)	
		Đến 2025	Đến 2030		Đến 2025	Đến 2030
1	Thu gom nước thải sinh hoạt	770	2.400	80%	616	1.920
2	Thu gom nước thải công cộng dịch vụ	77	240	80%	62	192
3	Thu gom nước thải TTCN	62	192	80%	49	154
	<b>Cộng (làm tròn)</b>				<b>727</b>	<b>2.266</b>

- Dự báo tổng lượng nước thải của đô thị đến năm 2025 là 750m<sup>3</sup>/ngày-đêm.
- Dự báo tổng lượng nước thải của đô thị đến năm 2030 là 2.300 m<sup>3</sup>/ngày-đêm.

**\* Lưu vực thoát nước thải**

Trung tâm thị trấn chia làm 4 lưu vực phù hợp với định hướng phát triển cũng như ưu tiên đầu tư

- + Lưu vực 1: Khu phía Tây Nam, khu trung tâm hành chính hiện trạng. Trạm xử lý số 1 Q=600 m<sup>3</sup>/ngày;
- + Lưu vực 2: Khu phía Đông Nam, khu trung tâm thương mại thị trấn. Trạm xử lý số 2 Q=600 m<sup>3</sup>/ngày;
- + Lưu vực 3: Khu phía Tây Bắc, khu trung tâm Văn hóa – TDTT. Trạm xử lý số 3 Q=600m<sup>3</sup>/ngày;
- + Lưu vực 4: Khu phía Đông Bắc, khu ở mới. Trạm xử lý số 4 Q=500m<sup>3</sup>/ngày.

**\* Trạm xử lý nước thải**

Xử lý nước thải sinh hoạt: Xây dựng 04 trạm xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án xử lý làm sạch sinh học không có sân phơi bùn, có máy làm sấy khô bùn, có thiết bị xử lý môi trường, xây dựng kín, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý xả ra nguồn đạt chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**Bảng tổng hợp trạm xử lý nước thải**

Stt	Trạm xử lý nước thải	Lưu vực xử lý	Công suất (m <sup>3</sup> /ngđ) Năm 2030	Khoảng cách ATVSMT tối thiểu (m)	Diện tích xây dựng trạm (ha)
1	Trạm số 01	Lưu vực 1	600	15	0,12
2	Trạm số 02	Lưu vực 2	600	15	0,12
3	Trạm số 03	Lưu vực 3	500	15	0,10
4	Trạm số 04	Lưu vực 4	400	15	0,07

**Bảng Thống kê vật tư Thoát nước thải**

STT	VẬT TƯ	KÍ HIỆU	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH
1	CỐNG NGẦM THOÁT NƯỚC		21703	M
2	HỐ GA THU NƯỚC		82	CÁI
3	TRẠM SỬ LÝ NƯỚC THẢI		04	TRẠM
4	TRẠM BƠM TRUNG CHUYỂN		01	TRẠM

**b. Vệ sinh môi trường**

**\* Chất thải rắn:**

**Nhu cầu thu gom chất thải rắn**

Đối tượng	Quy mô dân số		Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Nhu cầu (tấn/ngđ)	
	Đến 2025	Đến 2030			Đến 2025	Đến 2030
Thu gom chất thải rắn	7.000	20.000	0,9	90%	5,67	16,2

Quy hoạch 4 trạm trung chuyển không chính thức (không có hạ tầng), loại quy mô trạm < 5 tấn, đặt tại các công viên của từng khu vực có quy mô đất 20m<sup>2</sup>/trạm, được xe lấy rác sau đó sẽ chuyển về khu xử lý rác tập trung của xã An Mỹ. Tất cả các trạm phải thiết kế hệ thống thu gom nước rác và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.

**\* Nghĩa trang:**

+ Nghĩa trang hiện trạng của thị trấn nằm ngoài trung tâm thị trấn, về phía Nam của thị trấn, giáp với tuyến đường huyện 932. Có quy mô 2,164ha, hiện trạng đất sử dụng 1,35ha, còn lại đất chưa sử dụng là 0,814ha, đảm bảo diện tích mở rộng đến năm 2030. Vì thế không quy hoạch thêm.

**4.6. Thông tin liên lạc**

Căn cứ Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030.

Quy hoạch đến năm 2025:

+ Ngâm hóa hầu hết hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực các tuyến đường, phố, khu đô thị mới;

+ Tỷ lệ ngâm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố đạt 20%-25% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, huyện lộ và đường đô thị, không tính đến hệ thống đường xã);

+ Tỷ lệ ngâm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phố khu vực đô thị đạt 40%-45% (chỉ tính các tuyến đường, phố nằm trong khu vực đô thị);

+ Tỷ lệ sử dụng hạ tầng cột treo cáp mới đạt trên 85%;

+ Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 45%-50%;

+ Thực hiện chuyển đổi cáp đồng sang sử dụng cáp quang từ 70% - 80% hạ tầng mạng cáp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

+ Hoàn thiện cải tạo hạ tầng cột ăng ten tại các khu vực, tuyến đường, phố chính trên địa bàn toàn tỉnh;

+ Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên địa bàn toàn tỉnh.

**\* Nhu cầu**

Hệ thống thông tin liên lạc của thị trấn đã hình thành tương đối ổn định, đủ khả năng đáp ứng cho quy mô hiện tại của đô thị. Tuy nhiên chủ yếu vẫn phụ thuộc vào hệ thống đường cáp điện theo các trục giao thông hiện trạng. Trong giai đoạn phát triển đô thị sắp tới, phải xây dựng mới và chỉnh trang lại hệ thống thông tin liên lạc theo định hướng phát triển giao thông và phải được ngâm hóa với quy mô phù hợp với quy mô phát triển dài hạn của đô thị.

Chỉ tiêu số thuê bao internet đối với đô thị loại IV, 20 số thuê bao internet/100dân.

Vậy tổng số thuê bao internet đến năm 2025 là:  $7.000 \times 20/100 = 14.000$  số thuê bao.

Vậy tổng số thuê bao internet đến năm 2030 là:  $20.000 \times 20/100 = 4.000$  số thuê bao.

**\* Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc**

Hệ thống thông tin liên lạc được quy hoạch lại cho hợp lý. Hệ thống cáp Bưu điện, cáp quang phải được ngầm hoá và đặt trên vỉa hè.

Các trạm tiếp sóng Viễn thông hạn chế đặt trong các khu vực trung tâm và không ảnh hưởng mỹ quan đô thị.

Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế mới với tiêu chí ngầm hóa trên toàn bộ tuyến đường trong khu quy hoạch. Sử dụng tuyến 2 ống và 4 ống PVC F110 đi ngầm trên vỉa hè, chôn sâu cách mặt nền hoàn thiện 1m. Thiết kế bể đan 2 tầng ống kích thước 2 nắp đan là 1,2m x 1m, khoảng cách trung bình giữa hai bể đan là 60m.

Lắp đặt tủ cáp viễn thông dọc theo tuyến cống bể để đầu nối và quản lý đường cáp ngầm, khoảng cách trung bình giữa hai tủ là 500m. Hệ thống cáp đồng và cáp quang viễn thông đi trong tuyến ống PVC F110 cấp tính hiệu viễn thông đến khách hàng trong khu vực quy hoạch.

Hệ thống thông tin liên lạc trên toàn bộ tuyến đường được công ty Viễn thông Sóc Trăng đầu nối và quản lý về kỹ thuật cũng như trong quá trình vận hành.

Bảng thống kê vật tư Thông tin liên lạc:

STT	VẬT TƯ	KÍ HIỆU	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH
1	CÁP NGẦM THÔNG TIN LIÊN LẠC	—#— z <sub>3</sub> —#—	24419	M

**V. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ**

**1. Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị**

*1.1. Xác định khu vực dân cư hiện hữu; khu vực dự kiến phát triển mới; khu vực cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo; khu vực bảo tồn và khu vực đặc thù.*

Khu vực dân cư hiện hữu, đặc biệt là khu dân cư ven sông mang nét đặc trưng sinh sống của vùng sông nước, cần được tôn tạo, quản lý chặt chẽ về xây dựng và bảo vệ không gian kiến trúc cảnh quan. Đối với các khu vực dân cư trên các tuyến đường chính của đô thị như đường Phan Văn Hùng; 3 tháng 2; Ung Công Uẩn,... phải được xác định phạm vi xây dựng, không chế chiều cao, màu sắc, hình khối công trình,...

*1.2. Định hướng về hình ảnh đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực.*

Trung tâm đô thị đã được xác định tại khu vực trung tâm hành chính huyện Kế Sách, hướng ra trục đường chính đô thị, đồng thời cũng là tuyến giao thông kết nối với trục đối ngoại. Khu vực này là bộ mặt chính của huyện. Trung tâm thương mại dịch vụ, chợ trung tâm xác định tại khu đất phía Đông, là khu vực đã hình thành có dự án đã và quy hoạch phê duyệt do đó cần được thiết kế xây dựng các công trình kiến trúc hiện đại và tổ chức không gian chặt chẽ. Tùy theo tính chất các khu trung tâm để quản lý kiến trúc cảnh quan cho khu vực và cho tổng thể đô thị.

**2. Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường, điểm nhấn của đô thị**

**2.1. Định hướng tổ chức không gian theo tuyến chuyển động của con người trong đô thị**

Đề xuất các trục chính đặc trưng khu vực đô thị.

- Trục Kinh tế - Kỹ thuật - Đô thị - Cảnh quan chủ đạo là trục đường Phan Văn Hùng; 3 tháng 2 và hệ trục khung của đô thị: Là trục tổ chức các khu chức năng kinh tế - xã hội, trục giao thương liên vùng, giao thông đối ngoại, kết nối với khu trung tâm Văn hóa – TDTT bờ Bắc.

- Trục hành chính - hạ tầng xã hội, từ khu hành chính (trục đường 3 tháng 2): phát triển thành 1 trục cảnh quan đô thị.

- Trục đường thủy, tạo nên nét đặc trưng của vùng sông nước, cần được quy hoạch và thiết kế các tuyến kè đảm bảo không lấn chiếm lòng sông mà vẫn đảm bảo thẩm mỹ không làm mất đi nét đặc trưng của Kế Sách.

- Xây dựng cầu đô thị kết nối 2 bờ Bắc Nam, đây là mối liên kết trong đô thị, phát huy thế mạnh của địa phương, nơi giao thương trên sông nước.

## **2.2. Đề xuất bảo tồn, khai thác cảnh quan thiên nhiên hiện hữu về địa hình, cây xanh, sông hồ, mặt nước, bổ sung thiết kế cảnh quan nhân tạo**

Ngoài khu vực dân cư ven sông đang tồn tại, các khu vực ven sông được thiết kế cảnh quan công viên bờ sông tạo những còn đường kè nhằm tránh lấn chiếm đồng thời giữ được bản sắc đô thị sông nước. Tại các vị trí tiếp cận bến bãi, đề xuất xây dựng kè tạo không gian sạch đẹp và phát triển bền vững cho đô thị.

## **2.3. Định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm chính**

- Khu trung tâm hành chính huyện Kế Sách hướng ra kênh Na Tung tạo nên bộ mặt đô thị sông nước. Khuyến khích kiến trúc đơn giản, hướng đến công trình kiến trúc xanh, sử dụng hình khối kỷ hà có thể kết hợp vật liệu hiện đại như lam nhôm, tấm alumin..., phía dưới kết hợp giàn hoa, cây xanh làm tăng vẻ sinh động cho công trình cũng như làm tăng giá trị mỹ quan cho khu vực. Kết nối hài hòa giữa các công trình, từng bước xây dựng không gian đi bộ, cảnh quan công viên xanh cho khu vực này.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ được thiết kế với không gian thoáng đãng. Công trình được thiết kế với hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp với vật liệu địa phương hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và phù hợp với chức năng hoạt động của công trình. Đây là những công trình kiến trúc quan trọng nhằm tạo ra khu trung tâm sinh động mang tính địa phương, hình thành nên một khu vực năng động, đặc thù. Sử dụng những vật liệu sáng kết hợp với vài điểm nhấn, thích hợp với khí hậu nhiệt đới.

## **2.4. Định hướng tổ chức không gian khu vực cửa ngõ đô thị về không gian kiến trúc cảnh quan, xác định vị trí và diễn họa ý tưởng hình khối các công trình điểm nhấn theo các hướng, tuyến giao thông chính hướng vào trong đô thị**

Đô thị có cửa ngõ về hướng Bắc. Tại vị trí khu trung tâm văn hóa –TDTT. Khu vực này khuyến khích xây dựng các hình thức kiến trúc trang nhã, có điểm nhấn đặc trưng của đô thị, nhà ở được xây dựng với hình khối sinh động, sử dụng gam màu sáng, thân thiện. Hướng từ phía Đông đi vào đô thị sẽ đến khu trung tâm thương mại dịch vụ với các công trình kiến trúc hiện đại, được nhấn mạnh tại khu trung tâm thương mại thị trấn Kế Sách. Khuyến khích xây dựng các công trình khu vực này theo hướng tuyến chọn phương án đề tìm ý tưởng không gian hình khối đẹp, sinh động, mang nét đặc trưng của đô thị và định hướng trục không gian chính là tuyến Ung Công Uẩn.

## **3. Tổ chức không gian cây xanh mặt nước**

Hệ thống công viên cây xanh được bố trí chan hòa trong từng khu vực đô thị tạo thành các không gian xanh hợp lý tôn thêm vẻ đẹp cảnh quan của từng khu vực và phục vụ cho dân cư đô thị nghỉ ngơi, giải trí, cải tạo vi khí hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Cảnh quan sông rạch đặc thù được kết hợp với công viên hai bờ tạo thành nơi lý tưởng để tổ chức cảnh quan, tôn vinh vẻ đẹp của vùng sông nước và bảo vệ môi trường. Kè chắn các khu vực bên bãi tạo không gian sạch đẹp và phát triển bền vững cho đô thị.

Chọn các loại cây đô thị phù hợp với thổ nhưỡng. Phân cây tầm cao, tầm trung, tầm thấp bố trí hợp lý nhằm tạo cảnh quan cho đô thị, tuyến phố nhằm đạt mục tiêu thị trấn Kế Sách là đô thị xanh, đẹp.

## **VI. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**

### **1. Mở đầu**

#### **1.1. Sự cần thiết lập báo cáo đánh giá môi trường**

Theo chiến lược phát triển chung của tỉnh Sóc Trăng, một số khu vực trọng điểm sẽ phát triển thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Việc “Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030” sẽ làm thay đổi bộ mặt khu vực. Bên cạnh đó, phải kể đến các tác động tiêu cực đến môi trường do sự phát triển đô thị gây ra. Do vậy, việc thực hiện đánh giá sơ bộ các tác động đến môi trường do các hoạt động của dự án ngay từ giai đoạn thiết kế quy hoạch là hết sức cần thiết.

Việc đánh giá chiến lược các tác động đến môi trường của quy hoạch xây dựng bao gồm các tác động tích cực và tiêu cực, trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài của dự án quy hoạch phát triển đối với môi trường vật lý (không khí, nước, đất, chất thải rắn, tiếng ồn...v.v), đối với tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên nước – nguồn nước, tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật – động vật và thực vật), đối với môi trường kinh tế - xã hội, sức khỏe cộng đồng, hoạt động kinh tế của khu vực.

Nghiên cứu xây dựng đề xuất các biện pháp tổng hợp, trước hết là các biện pháp quy hoạch và xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật, để hạn chế mức thấp nhất những ảnh hưởng bất lợi và tìm các phương án tối ưu, vừa hạn chế tác động có hại đồng thời phát huy cao nhất các lợi ích của dự án. Xây dựng chương trình kiểm soát và quan trắc môi trường trong giai đoạn xây dựng và phát triển của khu vực.

#### **1.2. Mục tiêu tổng quát của đánh giá môi trường chiến lược**

Đánh giá tác động đối với quy hoạch chung xây dựng thị trấn nhằm:

Cung cấp thông tin về hiện trạng môi trường khu vực; dự báo và đánh giá những tác động của đồ án; đề xuất hoàn thiện các giải pháp thiết kế quy hoạch, và kiến nghị các biện pháp bảo vệ môi trường.

Xác lập cơ sở lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) phân khu, chi tiết; lập kế hoạch quản lý và giám sát tác động môi trường trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch.

#### **1.3. Căn cứ lập đánh giá môi trường**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Chính phủ ngày 23/6/2014.
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 14/2/2015 về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”.
- Các tiêu chuẩn của Nhà nước Việt Nam về môi trường.

#### **1.4. Phạm vi và giới hạn đánh giá môi trường**

Là đồ án quy hoạch chung thị trấn do đó phạm vi đánh giá môi trường ở đây sẽ bao gồm môi trường trong khu vực quy hoạch chung và môi trường khu vực xung quanh (chủ yếu là nguồn nước sông suối đi qua đô thị, môi trường không khí khu vực vành đai do sự phát tán bụi và khí ô nhiễm).

## **1.5. Phương pháp đánh giá môi trường**

Một báo cáo ĐTM có thể sử dụng một phương pháp hoặc tổng hợp nhiều phương pháp để đánh giá. Tuy nhiên, ở giai đoạn quy hoạch, báo cáo ĐTM chỉ dừng lại ở mức “Xem xét sơ bộ các tác động môi trường” của dự án. Từ báo cáo này, các cấp có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định về sự cần thiết của một báo cáo ĐTM chi tiết. Nhằm đáp ứng yêu cầu này, phương pháp danh mục các điều kiện môi trường (checklist method) là phù hợp hơn cả. Tuy nhiên, trong thực tế quá trình thực hiện báo cáo, nhiều phương pháp đã được sử dụng, như phương pháp phỏng đoán, dựa vào kinh nghiệm của chuyên gia chuyên ngành...

## **2. Đánh giá hiện trạng môi trường của khu vực quy hoạch**

### **2.1. Điều kiện tự nhiên**

#### **2.1.1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu quy hoạch**

Huyện Kế Sách nằm ở phía Bắc tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 02 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 35.282,87 ha. Thị trấn Kế Sách nằm về hướng Đông Nam của huyện, bao gồm 06 ấp (An Ninh 1, An Khương, An Ninh 2, An Định, An Thành, An Phú), có diện tích tự nhiên là 1.462,86ha có địa giới hành chính tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp xã Thới An Hội;

Phía Đông giáp xã Nhơn Mỹ và xã An Mỹ;

Phía Nam giáp xã An Mỹ và huyện Châu Thành;

Phía Tây giáp xã Kế Thành.

#### **2.1.2. Điều kiện tự nhiên**

##### **a. Tài nguyên đất:**

Thị trấn Kế Sách thuộc nhóm đất có nguồn gốc là đất mặn ít. Toàn bộ diện tích nhóm đất có nguồn gốc là đất mặn ít thuộc loại đất tốt, độ phì nhiêu khá, các chất dinh dưỡng trong đất cân đối, thích hợp với nhiều loại cây trồng. Đồng thời còn thích hợp với nuôi trồng thủy sản nước ngọt hoặc nước lợ.

##### **b. Khí hậu:**

Thị trấn Kế Sách nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có những đặc điểm chung về khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hàng năm chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm giao động không lớn. Nhiệt độ trung bình năm là 27,5<sup>0</sup>C; nhiệt độ cao nhất là 28,3<sup>0</sup>C (tháng 4); nhiệt độ thấp nhất là 25,28<sup>0</sup>C (tháng 1). Biên độ giao động nhiệt không lớn 5<sup>0</sup>C cho các tháng mùa mưa và 10<sup>0</sup>C cho các tháng mùa nắng. Nhiệt độ rất thích hợp cho cây trồng nhiệt đới.

- Độ ẩm: Độ ẩm cao suốt mùa mưa và thấp suốt mùa khô. Độ ẩm tương đối trung bình, cao nhất là tháng 9 (90%) tương ứng tháng mưa nhiều nhất, thấp nhất là tháng 3 (75%) tương ứng tháng mưa ít nhất. Độ ẩm cao nhất của các tháng luôn luôn lớn hơn 75%.

- Mưa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 chiếm 98% lượng mưa cả năm. Chính thức từ tháng 6 đến tháng 10 chiếm 71% lượng mưa cả năm. Tháng 5 và tháng 11 là 2 tháng chuyển tiếp (đầu và cuối mùa mưa). Lượng mưa vào các tháng nắng (tháng 12, tháng 4) không đáng kể, thấp xa so với lượng bốc hơi.

Lượng mưa bình quân năm là: 2.086,25 mm, cao nhất khoảng 2.611 mm và thấp nhất khoảng 1.560 mm.

Lượng mưa cả năm cao nhưng phân bố không đều: mùa mưa có lượng mưa lớn (các tháng 6, 7, 8, 9, 10) gây úng lụt. Mùa nắng có lượng mưa thấp (tháng 12 đến tháng 4 năm sau) gây ảnh hưởng đến sản xuất.

Số ngày mưa trung bình cả năm là 12 ngày/tháng. Mùa nắng 0-3 ngày/tháng. Mùa mưa 8-19 ngày/tháng. Số ngày mưa ít nhất là tháng 02 (0 ngày); nhiều nhất là tháng 6, 9, 10 (19 ngày/tháng).

- Nắng: Số giờ nắng trung bình qua các tháng trong năm: cao vào mùa nắng, thấp vào mùa mưa. Số giờ nắng nhiều nhất trung bình vào tháng 2 (10,23h/ngày), ít nhất vào tháng 11 trung bình (0,31h/ngày). Số giờ nắng trung bình năm là 6,79 giờ rất thuận lợi cho cây trồng.

- Gió, giông, bão: Tốc độ gió trung bình cả năm là 2,31m/s, cao nhất (tháng 2): 3,37m/s; thấp nhất (tháng 10): 1,45m/s. Không gây thiệt hại cho hoa màu.

Hướng gió phân hóa rõ rệt theo chế độ gió mùa như sau: mùa nắng hướng gió Đông (tháng 11 đến tháng 4). Mùa mưa hướng gió Tây- Tây Nam (tháng 7 đến tháng 10). Tháng chuyển tiếp (tháng 5 đến tháng 6) hướng gió Đông Nam và Tây.

- Bão không gây ảnh hưởng lớn khi vào đất liền. Thịnh thoảng có giông lớn cộng với mưa làm nước sông lên cao gây ngập úng đột xuất ở những khu vực địa hình thấp trũng.

### **c. Thủy văn:**

Thị trấn Kế Sách chịu ảnh hưởng trực tiếp nguồn nước Sông Hậu cung cấp và tiêu thoát nước dễ dàng, nguồn nước mặt dồi dào, nước ngọt quanh năm thích hợp cho phát triển nông nghiệp, tuy nhiên do ảnh hưởng mặn xâm nhập sâu vào đầu năm không đáng kể.

Toàn bộ diện tích đất đai chịu ảnh hưởng mạnh của chế độ thủy văn sông Hậu, là địa bàn được cung cấp nguồn nước ngọt khá dồi dào, hầu hết diện tích đất trồng cây hàng năm có đủ nước ngọt để sản xuất 2-3 vụ/năm.

Đồng thời có nhiều thuận lợi cho phát triển nuôi cá nước ngọt ven sông Hậu, nuôi ở các vùng cồn, bãi, nuôi trong ruộng vườn và nuôi kết hợp trồng lúa.

Sông Hậu chảy dọc phía Đông huyện và đổ ra biển hạ lưu châu thổ sông Mê Kông qua cửa Trần Đề. Ngoài ra còn có hệ thống kênh, rạch chằng chịt như sông Cái Côn, Cái Cau, kênh số 1, rạch Vọp, kênh Cái Trâm, kênh Mang Cá và hệ thống các sông, kênh, rạch khác. Đây là những dòng dẫn nước lưu thông, tưới tiêu cho toàn vùng và đưa trực tiếp nước biển Đông khi triều cường lên cao vào sâu nội đồng làm cho toàn huyện bị nhiễm mặn vào mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5.

Hệ thống thủy văn phong phú, đa dạng tạo nguồn tài nguyên nước dồi dào, rất thích hợp, thuận lợi cho ngành nông nghiệp phát triển.

Tuy nhiên, do chế độ thủy văn trên sông Hậu chịu tác động trực tiếp của chế độ bán nhật triều biển Đông có biên độ lớn (biên độ triều trung bình từ 3 - 3,5m tại Cái Côn) nên về mùa kiệt, nước mặn có thể xâm nhập sâu đến phà Đại Ngãi (ở mức 1‰, số liệu quan trắc ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2). Cần đầu tư kiên cố hóa hệ thống bờ bao để chống xâm nhập mặn và giữ nước ngọt.

Thị trấn nằm trong vùng đồng bằng nên nhìn chung nước ngầm dồi dào có thể khai thác phục vụ trong sản xuất và sinh hoạt với trữ lượng khá.

### **2.1.3. Môi trường không khí**

Các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân như: đun nấu bằng dầu, than, củi, trấu, gas... cũng là các nguồn gây ô nhiễm không khí với các chất ô nhiễm như: CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, bụi than, THC,... Bên cạnh đó, vấn đề xả phân, rác bừa bãi trực tiếp xuống kênh rạch, ruộng, hoặc thải ra vùng đất trũng gây tù đọng nước thải, sinh ra



mùi hôi thối khó chịu và là nguồn ô nhiễm vi sinh có khả năng gây ra các dịch bệnh nguy hiểm.

Các dấu hiệu tác động tiêu cực đến môi trường như vấn đề: xử lý rác thải, khí thải, tiếng ồn, an ninh trật tự cảnh quan..., nước mặt và nước mưa được tích trữ trong các sông, kênh, mặt ruộng cung cấp nguồn nước tưới, tiêu trực tiếp phục vụ sản xuất.

Khu vực chưa có hệ thống giao thông hoàn chỉnh, lầy lội về mùa mưa và bụi nhiều về mùa khô. Nồng độ bụi đạt mức cao hơn tại các khu vực đông dân cư.

Trong khu vực quy hoạch có một nhà máy chế biến lúa, gạo tại hướng Đông Bắc của đô thị, có khả năng gây ô nhiễm không khí.

Nhìn chung khu vực quy hoạch chưa có dấu hiệu đặc biệt về vấn đề ô nhiễm môi trường. Các yếu tố môi trường và khí hậu như bụi, tiếng ồn, nhiệt độ, độ ẩm không khí chưa bị ô nhiễm đáng kể, nồng độ các chất ô nhiễm không khí: SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>, THC, chì... đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép. Vấn đề ô nhiễm bụi và tiếng ồn là do ảnh hưởng của các phương tiện lưu thông và chất lượng đường sá kém.

#### **2.1.4. Môi trường đất**

Theo kết quả nghiên cứu xây dựng bản đồ đất cho thấy, đất thị trấn Kế Sách gồm 03 nhóm chính:

- Nhóm đất phèn: bao gồm hai loại đất chính: Đất phèn tiềm tàng nhiễm mặn đọng mùn và đất phèn hoạt động nhiễm mặn đọng mùn.

+ Đất phèn tiềm tàng nhiễm mặn đọng mùn: được phân bố tại các khu vực tương đối trũng

+ Đất phèn hoạt động nhiễm mặn đọng mùn được phân bố rải rác tại các xã, thị trấn trên địa bàn Huyện.

- Nhóm đất mặn: Thị trấn Kế Sách là vùng đất ngập mặn đã được ngọt hóa. Diễn biến của đất mặn tương đối đa dạng dẫn đến ranh giới mặn, diện tích các đơn vị đất mặn ít, mặn trung bình hay mặn nhiều thường thay đổi theo mùa vụ và qua các năm. Nhóm đất mặn bao gồm 3 loại:

+ Đất mặn ít: Nhìn chung loại đất này thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Ngoài ra còn có thể phát triển nuôi trồng thủy sản.

+ Đất mặn trung bình: Loại đất này thích hợp cho trồng lúa, nuôi trồng thủy sản.

+ Đất mặn nhiều: Loại đất này thích hợp cho trồng lúa đặc sản chất lượng cao, tuy nhiên cần quan tâm đến vấn đề thủy lợi để cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Nhóm đất nhân tác:

Trong quá trình canh tác của con người và sự tác động của cơ giới hóa đã hình thành lên nhóm đất nhân tác, chủ yếu là thổ canh, thổ cư, đất vườn đã được lên lớp. Nhóm đất nhân tác có thuận lợi là khắc phục được nhiều hạn chế đối với sự sinh trưởng phát triển của cây trồng như mặn, phèn và ngập úng. Hầu hết loại đất này được sử dụng đa dạng trong việc trồng lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản (ao, mương). Nhóm đất này được phân bố rộng rãi trên khắp thị xã.

#### **2.1.5. Hiện trạng cấp thoát nước**

##### **a) Cấp nước**

Hiện trạng tỷ lệ dân số trong đô thị được cấp nước sạch còn khá thấp, dù tại trung tâm đều có nhà máy xử lý nước, không sử dụng hết công suất của nhà máy.

Cung cấp nước sạch cho thị trấn Kế Sách hiện trạng tại trung tâm có trạm cấp nước công suất 1.200m<sup>3</sup>/ngày.

b) Thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu trên các tuyến đường mới hình thành trong trong khu trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ.

- Hiện trạng thoát nước: Trong khu vực chợ có hệ thống mương thoát nước đập nắp đan và đường ống xuống cấp nước tù đọng còn khá nhiều và mất vệ sinh. Nước thoát bao gồm nước mưa và nước sinh hoạt cho chảy thẳng ra kênh rạch.

c) Thoát nước bản

Hiện nay, trên toàn thị xã chưa có hệ thống xử lý nước thải, hầu hết nước mưa và nước thải thoát thẳng ra môi trường tự nhiên, hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt được xây dựng chung trong các khu hành chính mới, các khu dân cư mới.

**2.1.6. Hiện trạng rác thải, nghĩa trang**

a) Thu gom và xử lý chất thải rắn

Thị trấn Kế Sách có 1 bãi rác đang hoạt động là bãi rác xã An Mỹ. Hiện nay thu gom rác tại thị trấn, rồi vận chuyển về bãi rác.

Công nghệ xử lý rác đơn giản, chỉ thu gom và xử lý bằng chế phẩm vi sinh ME sau đó đập bột phủ rác để giảm phát sinh mùi hôi.

Vấn đề xử lý rác thải cần được tiến hành nhanh chóng vừa đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh ô nhiễm; đồng thời tận dụng rác làm nguồn nguyên liệu để sản xuất phân vi sinh, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Công nghệ xử lý rác thải phải được lựa chọn thích hợp với điều kiện của địa phương và cũng cần được lựa chọn kỹ lưỡng tránh lạc hậu trong tương lai gần.

b) Nghĩa trang

Người dân chủ yếu chôn cất người thân trên phần đất của gia đình. Hiện tại thị trấn có 1 nghĩa trang liệt sĩ giáp với đường tỉnh 932.

**3. Đánh giá của triển khai quy hoạch tới môi trường**

**3.1. Môi trường khi triển khai đồ án quy hoạch**

Khi thị trấn Kế Sách xây dựng và phát triển sẽ xuất hiện các khu chức năng phục vụ cho mọi hoạt động của đô thị này. Kèm theo mỗi khu chức năng là các hoạt động thương mại – dịch vụ đa dạng và việc tăng dân số tự nhiên, tăng cơ học sẽ dẫn đến 2 nhóm vấn đề ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như sau:

- Sức ép bởi các chất thải ngày càng nhiều (chất thải rắn, khí thải, khí hậu tại các khu công cộng, phương án giao thông, nước sinh hoạt và nước thải, tiếng ồn...). Lượng chất thải tác động sẽ ảnh hưởng mạnh đến môi trường nước ngầm, nước mặt, không khí, đất...

- Các vấn đề về giao thông, cảnh quan đô thị... và các tác động xấu khác từ các hoạt động xây dựng kiến tạo đô thị. Việc này luôn xảy ra ở thời kỳ xây dựng đợt đầu. Việc xây dựng đồng loạt của các khu công trường xây dựng có thể làm cho môi trường thị trấn bị ô nhiễm nặng mà chủ yếu là khói bụi và tiếng ồn.

- Đối với 2 vấn đề trên, việc cụ thể đặt ra là cho các nhà quản lý là: Hạn chế tận gốc các nguồn thải và cần có cơ chế chế tài nghiêm khắc đối với các hoạt động vệ sinh môi trường. Để thực hiện được 2 vấn đề này rất cần một cơ chế thuận lợi, chế tài nghiêm khắc, đội ngũ quản lý môi trường có chuyên môn sâu, khoa học gắn với cơ quan thực thi pháp luật, hình thành các quy định chế tài có tính đặc thù cho đô thị và phù hợp với Luật bảo vệ môi trường.

### **3.2. Môi trường trước quá trình xây dựng đô thị**

Tác động xảy ra trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và san nền chủ yếu tập trung vào vấn đề thay đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch mới và đền bù GPMB.

Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: việc thay đổi quy hoạch sử dụng đất là hoạt động lớn nhất của dự án đến môi trường đặc biệt là môi trường kinh tế - xã hội. Tuy nhiên đây là một hiện tượng tất yếu của quá trình đô thị hóa, giai đoạn này xảy ra trong quá trình xây dựng các đô thị và phải được gắn liền với quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động của các địa phương. Mặt khác đối với động lực và tính chất phát triển mới dự báo đến năm 2030 thị trấn Kế Sách có dân số đến 22.500 người.

Thay đổi hệ số sinh thái: Một phần hệ sinh thái nông nghiệp sang hệ sinh thái đô thị, phổ biến và không có các loài động, thực vật nào quý hiếm nằm trong sách đỏ cần được bảo vệ. Do vậy việc thay đổi hệ sinh thái là chấp nhận được và không có ảnh hưởng xấu.

Thay đổi bề mặt phủ: Một phần diện tích đất được bê tông hóa do quá trình xây dựng các công trình do vậy mà làm giảm đi bề mặt đất. Do đó có thể dẫn đến hiện tượng ngập úng khi có mưa to. Vì vậy trong giai đoạn thiết kế phải quan tâm đến hệ thống tưới tiêu thoát nước và san nền tiêu thủy.

Một số tác động khác mang tính xã hội cần phải được nhận thấy trước đó là việc phản ứng của người dân đối với các công tác cải tạo và nâng cấp này. Nhiều khả năng tại một số khu vực sẽ có các phản ứng tiêu cực của người dân (không đồng ý giá đền bù, không chịu di dời giải tỏa hoặc tiên hành chậm chạp...) và như vậy sẽ gây ra các ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường do công việc không được triển khai đồng bộ.

Nhìn chung tất cả các tác động kể trên đều sẽ ở mức độ trung bình. Tuy nhiên các tác động sẽ là ngắn hạn vì thời gian chuẩn bị không lâu, và sẽ được cải thiện đáng kể nếu được tổ chức và quản lý tốt.

### **3.3. Môi trường trong quá trình xây dựng đô thị**

- Ô nhiễm do bụi đất, đá, các tác động trực tiếp lên người công nhân thi công tại công trường và tới môi trường khu vực xung quanh (dân cư, giao thông, vận tải...)

- Ô nhiễm do tiếng ồn, rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy móc thiết bị thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do chất thải phát sinh từ các hoạt động của người thi công trên công trường và hoạt động của các thiết bị máy móc thi công (nước thải, dầu mỡ...).

- Ô nhiễm do nhiệt: từ quá trình thi công có gia nhiệt như đất nóng bitum, nhiệt phát sinh từ các máy móc thiết bị thi công, nhất là trong điều kiện thi công mùa hè nóng nực. Tác động nhiệt này chủ yếu là đối với người công nhân trực tiếp thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do khí thải: Từ các phương tiện vận tải, đào đất, san ủi... Loại ô nhiễm này có tác động phân tán tới khu vực dân cư xung quanh.

- Vấn đề an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nổ tại công trường: thi công với các vật nặng, trên cao, vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị, nguyên vật liệu, sử dụng điện, xăng dầu phục vụ thi công có nguy cơ gây ra tai nạn lao động và cháy nổ.

- Một tác động quan trọng cũng phải nhìn nhận thấy trước đó là các tác động liên quan đến chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng trong suốt quá trình thi công, có thể kể ra như: quản lý giao thông đi lại và vấn đề kẹt xe, bệnh nghề nghiệp hay tai nạn lao động (cho cả công nhân thi công và người dân), tác động lên sức khỏe cộng đồng liên quan đến tình trạng mất vệ sinh môi trường, ảnh

hưởng đến sinh hoạt thường ngày (do nhà cửa đang phá hay sửa chữa tạm, hệ thống cấp nước tạm ngưng việc cung cấp nước để sửa chữa, lắp đặt mới...). Một vấn đề đặc biệt lưu ý nữa là ảnh hưởng đến công ăn việc làm và đời sống kinh tế của người dân.

Mặc dù có tác động xấu đã nêu trên nhưng giai đoạn thi công thường liên hoàn theo khu vực. Vì vậy các tác động này có thể được giới hạn trong phạm vi cho phép và có tính chất tác động tạm thời. Các tác động này sẽ mất đi khi công trình đi vào khai thác sử dụng.

### **3.4. Môi trường khi đi vào khai thác sử dụng hoàn chỉnh**

Việc điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030 là rất quan trọng trong công cuộc phát triển KTXH của huyện và tỉnh, trên cơ sở các tiềm năng động lực và cơ hội hiện có, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030 bổ sung tính chất phát triển và nâng cao vị thế của đô thị trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khi quy hoạch được thực hiện sẽ thay đổi cơ bản hệ thống HTKT tương đương đô thị loại IV. Giải quyết nhu cầu lớn về hệ thống hạ tầng dịch vụ với trọng tâm là các cơ sở kinh tế và các khu đô thị mới. Từ đó làm tăng nhanh chóng các luồng nhập cư, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị.

Tuy nhiên khi thực hiện các dự án xây dựng huyện cũng sẽ có những tác động đến môi trường. Những vấn đề này cần phải được nhận dạng và quan tâm giải quyết ngay từ giai đoạn lập phương án phát triển, quy hoạch phân khu, chi tiết, thiết kế khả thi, giai đoạn thi công xây dựng cho đến giai đoạn vận hành, quản lý đô thị sau này. Có như vậy mới có thể đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững của đô thị và vùng lân cận.

Các tác động chủ yếu hoạt động của dự án ĐTXD đối với các thành phần môi trường tại khu vực triển khai dự án được liên kê trong bảng sau:

Hoạt động của QHXD	Các thành phần môi trường bị tác động							
	Đất	Nước mặt	Nước ngầm	Không khí	Chất thải rắn	Tiền g òn	Di tích LS, CTVH	Cây xanh, mặt nước
Thay đổi sử dụng đất	ĐK	TB	KĐK	K	K	K	KĐK	TB
Phát triển dân cư	ĐK	ĐK	KĐK	KĐK	ĐK	KĐK	KĐK	TC
Phát triển giao thông	TB	TB	KĐK	ĐK	TB	ĐK	TC	TB
Phát triển TMDV	KĐK	TB	TB	TB	TB	TB	TC	KĐK
Phát triển nhà ở	ĐK	ĐK	KĐK	KĐK	ĐK	TB	TB	TC
Phát triển trường học, nhà trẻ, TT y tế, CTVH	TB	TB	TB	KĐK	ĐK	TB	TC	TB
Phát triển HT cấp nước	KĐK	TC	KĐK	KĐK	TB	KĐK	TC	KĐK
Phát triển HT thoát nước và xử lý nước	KĐK	ĐK	KĐK	KĐK	KĐK	KĐK	TC	KĐK

- Ghi chú:
- + Tác động tích cực : TC
  - + Tác động tiêu cực: KĐK
  - + ĐK: tác động tiêu cực ở mức đáng kể.
  - + TB: tác động tiêu cực ở mức trung bình.
  - + K: không gây tác động.

Các tác động môi trường của các hoạt động xây dựng trong bảng trên được đánh giá bằng ý kiến của các chuyên gia và kinh nghiệm thực tế. Các tác động này được phân thành 2 loại: Tác động tiêu cực và tác động tiêu tích cực.

#### **4. Nhận diện các nguồn ảnh hưởng đến môi trường**

##### **4.1. Nguồn gây ô nhiễm không khí**

Trong giai đoạn san lấp mặt bằng và xây dựng sẽ có một lượng bụi đáng kể do phương tiện giao thông vận tải, đất cát san lấp... cũng như các hoạt động xây dựng, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công gây ra.

Các tác động do bụi đất, tiếng ồn, khí thải giao thông là vấn đề không tránh khỏi trong xây dựng. Ngoài ra, an toàn lao động trong quá trình thi công, nhất là thời điểm tiến độ thi công cao, tập trung nhiều người, nhiều phương tiện thi công cơ giới cũng cần thiết quan tâm đặc biệt.

##### **4.2. Nguồn gây ô nhiễm mặt nước, nước ngầm, đất**

Nguồn chính gây ô nhiễm mặt nước, nước ngầm, đất trong giai đoạn triển khai dự án là nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng. Bên cạnh đó là lượng nước mưa chảy tràn vào mùa mưa cuốn theo dầu mỡ thải, đất cát, nguyên vật liệu xây dựng xuống các kênh, ao hồ trong khu vực gây ô nhiễm nước mặt, nước ngầm nếu không có các biện pháp khống chế hữu hiệu.

##### **4.3. Chất thải rắn**

Chất thải rắn trong giai đoạn này chủ yếu là các nguyên vật liệu xây dựng hư hỏng, rơi vãi, dư thừa bao gồm các loại:

- Gạch ngói vỡ, cát sỏi, ximăng rơi vãi...
- Các vật liệu gỗ, sắt thép làm giàn dáo, cốt pha...
- Các loại bao bì đựng nguyên vật liệu giấy, plastic...
- Đất cát đào bới.
- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.
- Lượng chất thải rắn này có thể chia làm 3 loại:
  - + Có thể tái sử dụng cho sản xuất.
  - + Dùng để san lấp mặt bằng.
  - + Cần được xử lý phù hợp.

#### **5. Các giải pháp hạn chế ảnh hưởng xấu đến môi trường**

Mặc dù những tác động môi trường đã liệt kê sơ bộ ở mục trước chỉ ở mức độ trung bình, tuy vậy nếu không có những biện pháp cân nhắc và quản lý thích hợp trong các giai đoạn tổ chức, thiết kế và thi công thì cũng có khả năng gây ra những tác động nghiêm trọng đến con người và môi trường sống.

##### **5.1. Giải pháp trong cơ cấu quy hoạch**

- Việc phân khu phát triển đô thị sẽ tại cơ sở hạ tầng hướng sinh hoạt đô thị vào các khu vực nói trên. Hình thành các dải xanh tạo môi trường sinh thái trong đô thị, đồng thời giá trị sinh thái càng rõ nét khi cơ cấu chung của toàn bộ đô thị được hình thành. Các khu vực đô thị sẽ được hưởng lợi bởi hướng gió từ các kênh rạch khu vực và các hồ điều hòa trong công viên kèm theo lượng ô xy với hàm lượng cao, ít tạp chất do có sự phối hợp của các dải xanh dọc theo kênh. Do vậy nếu chưa tính đến khả năng ô nhiễm môi trường của con người tạo ra thì xây dựng đô thị theo cơ cấu quy hoạch sẽ là một giải pháp chiến lược cho việc tạo môi trường sinh thái tốt cho thị xã.

- Việc phát triển đô thị sẽ có thể từng bước chống ảnh hưởng bao phủ nhanh lên môi trường chung của thị trấn trong đó quan trọng nhất là việc thu hồi đất đai. Với hệ thống hạ tầng dịch vụ đồng bộ và thuận lợi, các hoạt động kinh tế - xã hội sẽ hướng vào nội khu. Khi đó nhóm chất thải của các hoạt động này sẽ phân loại và tập trung thuận lợi hơn. Có thể có những quy định về chế tài đặc thù về vệ sinh môi trường.

- Cơ cấu sử dụng đất là phù hợp. Trong đó tỷ lệ cây xanh công viên đảm bảo đáp ứng được quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. Quy hoạch giao thông phù hợp với các quy hoạch xây dựng chuyên ngành và vùng. Mạng lưới đường giao thông được quy hoạch theo đúng Quy chuẩn đường đô thị, hệ thống kênh mương được giữ nguyên sử dụng thuận lợi cho thoát nước đô thị,... Việc đảm bảo các tiêu chuẩn sử dụng đất đai là một nhân tố quan trọng trong việc quản lý bảo vệ môi trường. Không tạo lý do “xác đáng” cho những vi phạm bảo vệ môi trường như: xâm phạm đất cây xanh, không có chỗ đổ rác, đỗ xe,...

### **5.2. Bảo vệ môi trường nước**

- Cấp nước: Cải tạo nhà máy nước hiện trạng và xây dựng nhà máy nước mới với tổng công suất theo tính toán, dự kiến sẽ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho thị xã và một số khu vực lân cận.

- Thoát nước: Hệ thống thu gom nước thải và nước mưa được thiết kế riêng biệt, việc tách hai hệ thống thoát nước riêng biệt sẽ thuận lợi cho vấn đề xử lý nước thải và chống ngập úng cho đô thị.

- Với phương án thoát nước như đã trình bày ở phần quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo xả vào nguồn. Các vị trí xả đều đạt yêu cầu về khoảng cách đối với vị trí nguồn lấy nước cấp cho đô thị.

### **5.3. Môi trường không khí và tiếng ồn**

Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn: tiến hành cải tạo và nâng cấp các tuyến đường nội bộ để giảm thiểu hiện tượng ô nhiễm bụi do giao thông sinh ra. Quy định chặt chẽ việc trồng các dải cây xanh cách ly giao thông. Tổ chức thu gom triệt để chất thải; tổ chức kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng và vận tải.

### **5.4. Đối với chất thải rắn**

Chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nguồn thải. Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng sẽ được dùng lại. Chất phế thải xây dựng sẽ được kiểm soát một cách chặt chẽ tận dụng tối đa để san lấp, còn lại sẽ được thu gom tập trung về bãi thải của thị xã. Các chất thải rắn thông thường và trôi nổi các sông, kênh, mặt nước khác sẽ có cơ quan chuyên trách thu dọn liên tục.

## **6. Các hoạt động bảo vệ môi trường cần chú trọng**

- Tuyệt đối tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế, thi công về vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng đô thị, đặc biệt là xử lý nước thải và chất thải rắn.

- Hình thành một đơn vị quản lý chuyên trách có đủ thẩm quyền và chức năng đảm bảo ban hành các quy định về vệ sinh môi trường, xử lý các vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn thị xã.

- Đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường phải được thành lập riêng cho từng khu vực, chuyên trách các công việc như: thu gom xử lý chất thải, chăm sóc cây xanh cải tạo cảnh quan môi trường,...

- Tổ chức các đợt quan trắc, thanh kiểm tra thường xuyên tương ứng với dây chuyền công nghệ xử lý môi trường của từng khu vực trong thị trấn. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm.

## **7. Kết luận về việc đánh giá môi trường**

Đánh giá sơ bộ tác động môi trường đề án “Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030” cho thấy những tác động có lợi của việc thực hiện quy hoạch là rất lớn, bên cạnh đó cũng có một số tác động bất lợi đến môi trường, tuy nhiên mức độ tác động không lớn và hoàn toàn có thể giảm thiểu được. Tuy chưa định lượng được các tác động, song báo cáo cũng đã nêu ra được phần lớn các tác động chủ yếu cùng các giải pháp giảm thiểu. Trong giai đoạn nghiên cứu tiếp theo, báo cáo ĐTM chi tiết sẽ phân tích và đánh giá cụ thể các yếu tố môi trường chịu tác động của dự án, qua đó đưa ra biện pháp, kế hoạch cụ thể nhằm giảm thiểu tác động bất lợi đối với môi trường do dự án gây ra.

## **VII. KINH TẾ ĐÔ THỊ**

### **1. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch**

#### **1.1. Giai đoạn năm 2025**

- Giao thông bộ:

+ Đầu tư cải tạo và mở rộng các tuyến đường như: Phan Văn Hùng (đoạn từ ngã giao với tuyến Huyện lộ 02 tới đầu tuyến 3/2 và đoạn từ cầu Kế Sách tới tuyến đường tỉnh 932); Ung Công Uẩn; Tuyến tránh (tuyến huyện lộ 2 cũ), Lê Văn Tám; Đinh Tiên Hoàn; **Phan Văn Hùng (Hương lộ 1 cũ)**, N09, N10.

+ Đầu tư mới các tuyến đường như: Tuyến D04, N01; N02; D09; N05

+ Đầu tư mới Cầu qua kênh số 1 theo tuyến đường tỉnh 932C

- Giao thông thủy:

+ Đầu tư tiếp đoạn kè trên kênh số 1 và kênh Mương Lộ

- Hạ tầng xã hội:

+ Đầu tư mới công viên đô thị tại khu đô thị Tây Nam thị trấn;

+ Đầu tư mở rộng khu thương mại dịch vụ của thị trấn;

- Hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư đồng bộ với hệ thống giao thông, hạ tầng xã hội.

#### **1.2. Giai đoạn từ năm 2025 đến 2030**

Tiếp tục đầu tư các dự án còn lại kết nối với các dự án đã đầu tư giai đoạn năm 2025.

### **2. Nguồn lực thực hiện**

- Coi trọng chính sách huy động mọi nguồn vốn từ nội lực của tỉnh, huyện, và nhân dân.

- Thu hút mọi nguồn vốn đầu tư ngoài tỉnh, vốn trung ương, vốn các ngành, vốn đầu tư nước ngoài.

- Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

## **VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030 nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn, thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030 có vai trò quan trọng trong sự phát triển của huyện, góp phần đẩy nhanh mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; Đánh thức tiềm năng của đất đai và các nguồn lực khác vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và tỉnh.

## **2. Kiến nghị**

UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét sớm phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Kế Sách đến năm 2030 để làm cơ sở quản lý, kêu gọi đầu tư. Từng bước xây dựng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt và đảm bảo mục tiêu phát triển đô thị theo đúng mục tiêu đề ra.

Sớm tiến hành nghiên cứu và đề ra các văn bản pháp quy về quản lý quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cơ bản về các công trình xây dựng, thông báo đến các ngành và nhân dân được biết và thực hiện, nhằm đảm bảo cho việc xây dựng đúng với quy hoạch đã triển khai.

Thị trấn Kế Sách cần có chủ trương quản lý toàn diện về quy hoạch, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, nhất là chỉ giới đường đỏ trong khu vực quy hoạch.

Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được xem là văn bản pháp lý để định ra các quy chế cụ thể nhằm quản lý chặt chẽ công tác xây dựng đô thị về sau theo đúng quy định của Nhà nước.